

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC THỊ TRẤN RẠNG ĐÔNG

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÍ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

STT	Họ tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ kí
1	Đỗ Hồng Duy	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Đoàn Thị Hà	Phó Hiệu trưởng	Phó CTHĐ	
3	Trần Thị Nhị	Tổ phó tổ 4	Thư ký HĐ	
4	Dương Thị Cúc	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên HĐ	
5	Mai Thị Dung	Chủ tịch CĐ	Ủy viên HĐ	
6	Phạm Thị Đào	Tổng PTĐ	Ủy viên HĐ	
7	Nguyễn Thị Phương	Tổ trưởng Tổ 1	Ủy viên HĐ	
8	Lại Thị Trang	Tổ trưởng Tổ 2	Ủy viên HĐ	
9	Phạm Thị Hồng Thắm	Tổ trưởng Tổ 4	Ủy viên HĐ	
10	Nguyễn Ngọc Bằng	Tổ trưởng Tổ HC	Ủy viên HĐ	
11	Nguyễn Thị Huyền Trang	Kế toán	Ủy viên HĐ	

NAM ĐỊNH - NĂM 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	4
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ.....	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU.....	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ.....	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ.....	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Tiêu chí 1.1:.....	16
Tiêu chí 1.2:.....	20
Tiêu chí 1.3:.....	25
Tiêu chí 1.4:.....	29
Tiêu chí 1.5:.....	33
Tiêu chí 1.6.....	35
Tiêu chí 1.7.....	38
Tiêu chí 1.8:.....	39
Tiêu chí 1.9:.....	42
Tiêu chí 1.10:.....	44
KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 1.....	47
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.....	48
Tiêu chí 2.1:.....	48
Tiêu chí 2.2:.....	56
Tiêu chí 2.3:.....	59
Tiêu chí 2.4:.....	63
KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 2.....	67
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	68
Tiêu chí 3.1:.....	68
Tiêu chí 3.2:.....	72
Tiêu chí 3.3:.....	74
Tiêu chí 3.4:.....	77
Tiêu chí 3.5:.....	80

Tiêu chí 3.6:.....	83
KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 3.....	86
Tiêu chuẩn 4. Quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội	87
Tiêu chí 4.1:.....	88
Tiêu chí 4.2:.....	91
KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 4	95
Tiêu chuẩn 5. Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	96
Tiêu chí 5.1:.....	97
Tiêu chí 5.2:.....	100
Tiêu chí 5.3:.....	105
Tiêu chí 5.4:.....	108
Tiêu chí 5.5:.....	111
KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 5.....	114
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4.....	115
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG.....	116

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Cụm từ viết tắt	Chữ viết tắt
1	Ban chấp hành	BCH
2	Ban giám hiệu	BGH
3	Cán bộ	CB
4	Cha mẹ học sinh	CMHS
5	Cơ sở vật chất	CSVC
6	Công nghệ thông tin	CNTT
7	Giáo dục	GD
8	Giáo viên	GV
9	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
10	Hoàn thành chương trình Tiểu học	HTCTTH
11	Hội đồng nhân dân	HĐND
12	Hội đồng tự quản	HĐTQ
13	Học sinh	HS
14	Kiểm định chất lượng	KĐCL
15	Ngoài giờ lên lớp	NGLL
16	Nhân viên	NV
17	Phổ cập Giáo dục	PCGD
18	Sinh hoạt chuyên môn	SHCM
19	Thanh niên Cộng sản	TNCS
20	Thiếu niên Tiền phong	TNTP
21	Thi đua - Khen thưởng	TĐKT
22	Tổng phụ trách	TPT
23	Ủy ban nhân dân	UBND
24	Văn phòng	VP

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá (Đánh dấu (×) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	---
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	---
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	---
Tiêu chí 1.8		X	X	---
Tiêu chí 1.9		X	X	---
Tiêu chí 1.10		X	X	---
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		X	X	Không đạt
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	---
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 5.1		X	X	---
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	

2. Kết quả: Đạt Mức 2

Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Nghĩa Hưng

Tỉnh: Nam Định		Họ và tên Hiệu trưởng	Đỗ Hồng Duy
Huyện: Nghĩa Hưng		Điện thoại	0985811278
Thị trấn: Rạng Đông		Fax	
Đạt CQG: Mức độ 2		Website	thttrangdong.namdinh.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập): Không có		Số điểm trường	03
Công lập	X	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học (số liệu tính đến ngày 31/05/2024)

Số lớp học	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 1	153	206	197	176	213
Khối lớp 2	202	143	202	188	168
Khối lớp 3	164	200	142	202	183
Khối lớp 4	149	153	203	142	196
Khối lớp 5	154	148	154	195	137
Tổng	822	850	892	903	897

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường (số liệu tính đến ngày 31/05/2024)

Hiện trạng	Tổng	
	SL	Diện tích (m ²)
1. Khuôn viên	03	14.600
2. Khối phòng hành chính quản trị		
- Phòng Hiệu trưởng	01	30
- Phòng Phó Hiệu trưởng	01	26
- Phòng của tổ chức Đảng, đoàn thể	01	30
- Văn phòng	01	96
- Phòng bảo vệ	03	36
- Nhà vệ sinh GV, CB, NV	03	76
- Khu để xe của GV, CB, NV	03	88
3. Khối phòng học tập		
- Phòng học	28	1344
- Phòng học bộ môn Âm nhạc	01	48
- Phòng học bộ môn Mỹ thuật	01	48
- Phòng học bộ môn Tin học	03	112
- Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	01	60
4. Khối phòng hỗ trợ học tập		
- Thư viện	01	96
- Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục HSKT	01	26
- Phòng Đội Thiếu niên	01	30
5. Khối phụ trợ		
- Phòng họp	01	96
- Phòng giáo viên	03	128
- Phòng Y tế trường học	01	26
- Nhà kho	01	40
- Khu để xe học sinh	03	335
- Khu vệ sinh học sinh	03	120
- Cổng, hàng rào	Có	
6. Khu sân chơi, thể dục thể thao		
- Sân chơi chung	3	4500

Hiện trạng	Tổng	
	SL	Diện tích (m ²)
- Sân thể dục thể thao	3	1500
7. Khôi phục vụ sinh hoạt		
- Nhà bếp	0	
- Kho bếp	0	
- Nhà ăn	0	
- Nhà ở nội trú	0	
- Phòng quản lý học sinh	0	
8. Hạ tầng kĩ thuật		
- Hệ thống cấp nước sạch	03	
- Hệ thống cấp điện	03	
- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Có	
- Hạ tầng CNTT, liên lạc	Có	
- Khu thu gom rác thải	Có	
9. Thiết bị dạy học		
- Thiết bị trang bị theo quy định		
- Thiết bị trong các phòng bộ môn		

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG (số liệu tính đến ngày 31/05/2024)

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo (theo chuẩn cũ)			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01					01	
Phó Hiệu trưởng	02	2			02		
Giáo viên	36	34		07	29		
Nhân viên	2	1			02		
Cộng	41	37		07	33	01	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

T T	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	37	37	36	36	36
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	$37/30 = 1,23$	$37/30 = 1,23$	$36/30 = 1,2$	$36/30 = 1,13$	$36/28 = 1,28$
3	Tỷ lệ GV/HS	$37/822 = 0,04$	$37/850 = 0,04$	$36/898 = 0,04$	$34/903 = 0,03$	$36/897 = 0,04$
4	Tổng số GV dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	4	0	2	0	0
5	Tổng số GV dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	1		1		0
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh (số liệu 31/05/2024)

a) Số liệu chung

STT	Số liệu	Năm học 2019 -2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021 -2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số HS	822	850	892	903	897
	- Nữ	368	389	409	422	419
	- Dân tộc	4	7	5	6	3
	- Khối lớp 1	153	206	197	176	213
	- Khối lớp 2	202	143	202	188	168
	- Khối lớp 3	164	200	142	202	183
	- Khối lớp 4	149	153	203	142	196
	- Khối lớp 5	154	148	154	195	137
2	TS tuyển mới	153	206	197	176	213
3	Học 2 buổi/ngày	822	850	892	903	897
4	Bán trú					
5	Nội trú					

STT	Số liệu	Năm học 2019 -2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021 -2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
6	Bình quân số HS/ lớp học	27,4	28,3	29,7	30,1	32,0
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	95	95,8	97,1	96,1	96,4
	- Nữ	358	381	407	421	415
	- Dân tộc thiểu số	4	6	4	5	2
8	Tổng số HS giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	77	185	162	69	5
9	Tổng số HS giỏi quốc gia (nếu có)	1	0	2	3	0
10	Tổng số HS thuộc đối tượng chính sách	145	111	104	70	62
	- Nữ	57	53	48	27	18
	- Dân tộc thiểu số	2	3	2	2	0
11	Tổng số HS (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	11	10	10	12	10
12	Các số liệu khác (nếu có)					

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	138/138 = 100%	180/180 = 100%	174/174 = 100%	161/161 = 100%	211/211= 100%

Tỉ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học	875/882 = 99,2%	846/850 = 99,53%	891/898 = 99,22%	898/903= 99,45%	886/893= 99,21%
Tỉ lệ HS 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	146/155 = 94,19%	139/142 = 97,89%	148/152 = 97,37%	183/186 = 98,4%	130/138= 94,20%
Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	638/647 =98,31%	606/609 =99,51%	609/613 =99,19%	627/630 = 99,5%	627/636 = 99,5%
Các số liệu khác (nếu có)					

Cụ thể kết quả đánh giá viên chức cuối năm như sau:

Năm học	Tổng số	Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành
2019-2020	42	24	18	0
2020-2021	42	24	16	2
2021-2022	40	24	16	0
2022-2023	39	26	13	0
2023-2024	37	11	24	3

Tỉ lệ HS đi học đúng độ tuổi trong 5 năm qua như sau:

Năm học	Toàn trường		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2019-2020	783/824	95,0	142/152	93,4	196/202	97,0	160/164	97,5	137/151	90,7	146/155	94,1
2020-2021	822/858	95,8	202/210	96,1	136/143	95,1	197/201	98,0	152/156	97,4	135/148	91,2
2021-2022	871/897	97,1	195/199	97,9	194/201	96,5	133/141	94,3	197/201	98,0	152/155	98,0
2022-2023	877/912	96,1	171/177	96,6	187/193	96,8	195/203	96,0	134/143	93,7	190/196	96,9
2023-2024	868/900	96,4	211/216	97,6	163/168	97,0	177/183	96,7	188/196	95,9	129/137	94,1

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Tình hình địa phương

Thị trấn Rạng Đông nằm ở phía Nam huyện Nghĩa Hưng, gần Khu công nghiệp Azora, có tuyến đường bộ ven biển đi qua. Thị trấn Rạng Đông có 10 tổ dân phố, có 48,5% đồng bào theo đạo Thiên Chúa. Nhân dân lao động tập trung chính là nghề trồng lúa, nuôi trồng thủy hải sản, đan cói, đi làm công nhân tại các công ty...

Thị trấn Rạng Đông có bề dày truyền thống cách mạng và hiếu học. Đảng bộ nhiều năm liền đạt Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Đảng bộ và Chính quyền thị trấn Rạng Đông rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Nhận thức của Đảng, Chính quyền và nhân dân về đổi mới bậc tiểu học đã có những chuyển biến tích cực. Đảng bộ thị trấn Rạng Đông đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-ĐU ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-ĐU ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Đảng ủy thị trấn Rạng Đông về nâng cao chất lượng giáo dục địa phương giai đoạn 2021-2025. Địa phương đầu tư nhiều công sức và tiền của cho sự nghiệp giáo dục. Đảng bộ và Chính quyền đã chỉ đạo tốt công tác xã hội hoá giáo dục. Nhân dân thị trấn Rạng Đông quan tâm đến việc học tập của con em, tạo điều kiện và nhắc nhở con em học tập ngày một tốt hơn. Thị trấn Rạng Đông đạt Chuẩn Nông thôn mới năm 2016. Tháng 5 năm 2022 đạt Chuẩn Nông thôn mới nâng cao.

1.2. Tình hình nhà trường

Trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông có 3 điểm trường đặt tại Tổ dân phố Đông Bình, Tổ dân phố 4 và Tổ dân phố 9, thị trấn Rạng Đông, Nghĩa Hưng, Nam Định, địa chỉ hòm thư điện tử: tiuehocrangdong@gmail.com. Website: thtrangdong.namdinhh.edu.vn

Trường được thành lập tháng 8 năm 1969 với tên gọi là “Trường phổ thông cấp I Rạng Đông”, sau 17 năm thành lập, năm 1975 trường cấp I được đổi tên thành “Trường phổ thông cơ sở Rạng Đông” gồm cấp I và cấp II. Từ năm 1996, trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông được tách ra từ Trường phổ thông cơ sở Rạng Đông. Trải qua 55 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Những năm gần đây nhờ sự giúp đỡ của các cấp: Sở GD&ĐT Nam Định, Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng, Phòng GD&ĐT, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân thị trấn Rạng Đông và Hội CMHS, với quyết tâm cao thầy và trò đã vượt qua khó khăn, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao. Nhà trường luôn thực hiện đúng đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện. Quy mô trường lớp ổn định, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao và đạt được những thành tích xuất sắc, dẫn đầu toàn huyện:

- Năm 2000, Nhà trường được Bộ GD&ĐT công nhận đạt Chuẩn quốc gia giai đoạn 1996-2000 và trường học Văn hóa.

- Năm 2016, Nhà trường được công nhận trường tiêu học đạt Chuẩn quốc gia mức độ II theo Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Nam Định, đạt Chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn theo Quyết định số 6269/GĐ/SGDDĐT ngày 29/12/2016 của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định.

- Năm 2018, trường được công nhận đạt tiêu chuẩn Chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 1100/QĐ-SGDĐT ngày 21/5/2018 của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định.

- Năm học 2019-2020 trường đạt danh hiệu "Tập thể Lao động Xuất sắc" theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh Nam Định;

- Năm học 2020-2021 trường đạt danh hiệu "Tập thể Lao động Tiên tiến" theo Quyết định số 3672/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND huyện Nghĩa Hưng; Được UBND tỉnh tặng Bằng khen theo Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh Nam Định;

- Năm học 2021-2022 trường được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua Xuất sắc theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh Nam Định;

- Năm học 2022-2023 trường được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua Xuất sắc theo Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh Nam Định;

- Từ năm 2019 đến nay Chi bộ nhà trường luôn đạt danh hiệu Chi bộ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; năm 2019 được Đảng bộ huyện Nghĩa Hưng tặng danh hiệu "Chi bộ hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ" theo Quyết định số 461-QĐ/HU ngày 16/01/2019. Công đoàn nhà trường được nhận danh hiệu Cờ thi đua Xuất sắc theo Quyết định số 795/QĐ-LĐLĐ ngày 13/7/2023 của LĐLĐ tỉnh Nam Định; Liên Đội được tặng Bằng khen của tỉnh Đoàn theo Quyết định số 72/QĐ/TĐTN-VP ngày 01/8/2022 của BCH tỉnh Đoàn TNCSHCM;

Hiện nay nhà trường có 41CB, GV, NV và 897 HS cùng với một hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học; cảnh quan môi trường xanh, sạch, gọn gàng. Trường rộng 14 600 m², với 28 phòng học có đủ bàn ghế đúng quy cách, đủ điều kiện cho các lớp học 2 buổi/ngày. Trường có sân chơi, sân tập riêng, vườn trường; có đủ các phòng chức năng phục vụ cho việc dạy và học.

Đội ngũ CB, GV có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng luôn nhiệt tình, có trách nhiệm trong công tác. Có phẩm chất chính trị vững vàng, chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của ngành và của địa phương. Trường có 5 CBQL, GV CSGDPT cốt cán thực hiện CTGDPT 2018.

Ban đại diện CMHS, CMHS thường xuyên quan tâm con em và tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường.

Bên cạnh những thuận lợi trên, nhà trường còn gặp một số khó khăn như: một số trang thiết bị đã xuống cấp không còn đáp ứng được yêu cầu của việc dạy và học, chưa có những thiết bị hiện đại để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục như: bể bơi, thiết bị trong phòng học, phòng Tin học, phòng Tiếng Anh, các lớp học xuống cấp bị bong tróc tường và trần nhà... nên việc tổ chức các hoạt động GD còn gặp khó khăn.

Xuất phát từ thực trạng chất lượng GD, Trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông đã triển khai công tác đánh giá chất lượng GD; rà soát để các tiêu chí của trường đạt KĐCLGD cấp độ 2 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT và Thông tư 13/2020TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT về cơ sở vật chất để được công nhận theo đúng quy định. Trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GD gồm 15 thành viên với đầy đủ các thành phần: đại diện Cấp ủy chi bộ, BGH, tổ chuyên môn, phụ trách các đoàn thể trong trường.

KĐCLGD và công nhận lại trường Chuẩn quốc gia mức độ I là dịp để đơn vị nhìn lại những gì mình đã làm được, những gì còn tồn tại so với quy định chuẩn để từ đó có định hướng khắc phục và cải tiến chất lượng trong thời gian ngắn nhất. Đây cũng là dịp đánh giá xếp loại được tất cả các tổ chức đoàn thể, CB-GV-NV cũng như các lĩnh vực hoạt động của nhà trường một cách khách quan khoa học.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá thực chất lượng GD, rà soát bổ sung các tiêu chí của quy định trường Chuẩn quốc gia để xác định rõ trường học đạt cấp độ nào? Từ đó đăng kí KĐCL, công nhận trường Chuẩn quốc gia để cấp trên công nhận, giúp nhà trường phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, đồng thời nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho nhà trường để không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả GD của nhà trường.

2. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của KĐCLGD, trường Chuẩn quốc gia, hằng năm nhà trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch tự đánh giá và tiến hành tự đánh giá một cách nghiêm túc, khách quan. Các thành viên của các bộ phận trong nhà trường đã chủ động, tích cực tham gia tự đánh giá.

Qua việc tự đánh giá hằng năm, những điểm yếu đã dần được khắc phục, đến nay nhà trường đã đạt các yêu cầu của KĐCLGD cấp độ 2 và đảm bảo các tiêu chí của trường Chuẩn quốc gia mức độ I, Chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông đã có chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông và điều kiện thực tế. Năm học

2023-2024, trường có đủ 5 khối với 28 lớp học. Hội đồng trường được thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng và có cơ cấu tổ chức hoạt động theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng của trường hoạt động tích cực, nề nếp sinh hoạt tốt, đã thực sự phát huy được hiệu quả khi triển khai hoạt động giáo dục từ nhiều năm nay. Công tác quản lý các hoạt động trong nhà trường được tiến hành nề nếp, khoa học. Thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030:

a) Nhà trường đã xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển dựa trên những nguồn lực cụ thể:

Nhân dân địa phương có truyền thống hiếu học, nhận thức ngày càng tiến bộ về tầm quan trọng của GD. Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và CMHS quan tâm, tạo điều kiện để nhà trường ngày càng phát triển. Ngoài ra, còn có một số nhà hảo tâm là con em quê hương ủng hộ, giúp đỡ, đầu tư để xây dựng CSVC.

Cán bộ quản lý có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Luôn năng động, sáng tạo, nhiệt tình trong công tác, luôn tự bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ. Có khả năng quản lý các mặt hoạt động của nhà trường. Có lối sống trong sáng, lành mạnh, ứng xử linh hoạt sáng tạo.

Đội ngũ CB-GV-NV đảm bảo về số lượng, có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, tận tâm với nghề nghiệp. Có ý thức tự học hỏi, tự trau dồi. Môi trường sư phạm có văn hóa, lành mạnh, đoàn kết. Mỗi thành viên đều được phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, chuyên môn của mình.

Cơ sở vật chất của nhà trường đầy đủ, luôn được cải tạo và nâng cấp để phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục.

CMHS nhiệt tình, tích cực đóng góp ý kiến, công sức để góp phần nâng cao các điều kiện dạy - học. Phối hợp tốt với nhà trường trong mọi hoạt động.

Học sinh được quan tâm về mọi mặt, ngoan ngoãn, lễ phép, ham học. Luôn tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập và trong các hoạt động.

Từ những nguồn lực trên, nhà trường đã xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển một cách cụ thể và mang tính khả thi đó là:

+ Duy trì ổn định về quy mô trường lớp, từng bước cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao hiệu quả giáo dục để năm học 2023-2024 được đánh giá và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ I.

+ Giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhằm hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên trung học cơ sở.

+ Tạo dựng được môi trường học tập - rèn luyện theo hướng giáo dục toàn diện và bền vững. Xây dựng được thương hiệu nhà trường uy tín, chất lượng và luôn có được niềm tin của ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương, được cha mẹ học sinh tin yêu và tín nhiệm.

+ Duy trì bền vững và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn. Đảm bảo các tiêu chí để thị trấn Rạng Đông xây dựng đô thị văn minh. Tiếp tục duy trì đơn vị dẫn đầu về chất lượng giáo dục toàn diện trong huyện.

+ Làm mới các hạng mục như: Xây tiếp tầng 3 khu nhà Hiệu bộ; làm mới hệ thống bồn rửa tay cho học sinh khu trung tâm; mua các cây nước nóng cho học sinh khu trung tâm; lát gạch Block sân chơi trước dãy nhà C; bổ sung tủ, sách thiết bị cho thư viện. Tiếp tục cải tạo cảnh quan môi trường, bổ sung các thiết bị hiện đại trong các phòng học và các phòng chức năng. [H1-1.1-01]

b) Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường theo Kế hoạch số 21/KH-THRD tháng 09/2020 đã được Phòng GD&ĐT huyện Nghĩa Hưng phê duyệt. [H1-1.1-01]

c) Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường được niêm yết công khai tại phòng Hội đồng, trên bảng tin của nhà trường theo Quyết định công khai số 02/QĐ-THRD ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Hiệu trưởng.

Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường không chỉ công khai tới toàn thể CB-GV-NV nhà trường mà còn được công khai tới CMHS toàn trường trong cuộc họp ngày 07 và ngày 08 tháng 11 năm 2020. Từ khi chiến lược xây dựng và phát triển được công khai đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp trong đó tập trung góp ý kiến vào các giải pháp để kế hoạch chiến lược thực hiện đúng tiến độ và mang tính khả thi cao. [H1-1.1- 01]

Mức 2

Nhà trường đã công khai chiến lược phát triển tới Hội đồng trường, CB-GV-NV của nhà trường, ban đại diện CMHS, CMHS toàn trường, để theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch qua các việc làm cụ thể như: tăng cường cơ sở vật chất; đổi mới phương pháp dạy học; việc nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên; việc xây dựng các điều kiện để kiểm định chất lượng, công nhận trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ I; việc xây dựng môi trường sư phạm có văn hóa, việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện,... Việc thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường được Hội đồng trường và nhà trường rà soát trong dịp tổng kết cuối mỗi năm học. Năm học 2023-2024, Hội đồng trường tiếp tục giám sát việc thực hiện các mục tiêu về giáo dục HS; việc cải tạo cảnh quan môi trường, bổ sung các thiết bị cho các phòng chức năng, việc dạy kỹ năng sống cho HS, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo viên và kết quả học tập của học sinh. [H1-1.1-01]

Mức 3

Cuối năm học 2022-2023, Hội đồng trường đã tổng kết đánh giá việc thực hiện phương hướng chiến lược với toàn thể CB, GV. Đồng thời, nhà trường cũng đã đăng công khai kết quả đạt được trong năm học trên Website của nhà trường cho toàn thể CB-GV-HS và CMHS đánh giá, rà soát những gì đã thực hiện được và nêu rõ phương hướng trong thời gian tiếp theo. [H1-1.2-01]

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng và tham gia của những tổ chức đoàn thể: Hội đồng trường (gồm 11 thành viên), Chi bộ Đảng, BCH Công đoàn (gồm 3 thành viên), Bí thư Đoàn thanh niên, TPT Đội, Ban đại diện CMHS cấp trường (gồm 5 thành viên). [H1-1.1-01]; [H1-1.2-01]

2. Điểm mạnh

Chiến lược của nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục Tiểu học được quy định tại Luật GD (tại Điều 2, số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019) và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ thị trấn Rạng Đông khoá IX nhiệm kỳ 2020-2025, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của

HĐND thị trấn, với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 và phù hợp với sự phát triển của xã hội trong thời đại mới.

Nhà trường đã có những nguồn lực phù hợp để nâng cao thương hiệu, uy tín; tạo niềm tin vững chắc với phụ huynh và cộng đồng, giữ vững là đơn vị điển hình về chất lượng GD toàn diện trong huyện. Từ năm học 2019-2020, nhà trường đã lập kế hoạch XHH nhằm tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học. Nhà trường đã huy động, bổ sung thêm được: 30 tivi, 11 cây nước nóng lạnh, 10 bộ máy tính, cải tạo, nâng cấp vườn trường điểm trường khu 1, in ấn bảng biểu pano tuyên truyền, cải tạo nâng cấp nhà vệ sinh HS,... với tổng trị giá 625.000.000 đồng.

Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được công khai theo đúng quy định và đã nhận được một số đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà trường.

Việc định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giúp chiến lược phát triển đảm bảo đúng tiến độ và phù hợp với thực tế của trường, của địa phương.

3. Điểm yếu

Việc công khai chiến lược phát triển chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường.

Các nguồn lực của nhà trường còn chưa đủ để đảm bảo thực hiện thành công kế hoạch chiến lược.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Nâng cao hiệu quả hoạt động trang Website của nhà trường, công bố chiến lược phát triển trên trang Website.	BGH, Hội đồng trường	Hệ thống máy tính kết nối internet	Năm học 2023–2024	3triệu /năm học.
Thông báo chiến lược phát triển trên hệ thống loa truyền thanh của thị trấn.	Ban văn hóa thông tin của thị trấn		Trong các năm học.	

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Thông báo chiến lược phát triển trong các cuộc họp phụ huynh học sinh.	BGH, HĐ trường, giáo viên		Trong các năm học	
Huy động sự ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm; sự ủng hộ của chính quyền địa phương, của PGD, UBND huyện.	BGH, Hội đồng trường, CMHS		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hội đồng trường được thành lập theo quy định tại Điều 10 Điều lệ trường Tiểu học theo Quyết định số 4475/QĐ-UBND ngày 17/11/2021 của UBND huyện Nghĩa Hưng gồm 11 thành viên. Đồng chí: Đỗ Hồng Duy - Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng, đồng chí: Khương Thị Thảo – Tổ trưởng Tổ 5 là Thư ký Hội đồng. [H1-1.2-01]

Mỗi năm học, nhà trường thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng năm học 2023-2024 được thành lập theo Quyết định số 39/QĐ-THRĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023, Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng TĐKT, các thành viên của hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, đại diện cấp ủy Đảng CSVN, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư chi Đoàn, TPT Đội, Tổ trưởng Tổ chuyên môn, Tổ trưởng Tổ VP, đại diện giáo viên, nhân viên kế toán. Tổ Tư vấn tâm lý năm học 2023-2024 được thành lập theo Quyết định số 53/QĐ-THRĐ ngày 24/9/2023 gồm 35 thành viên: BGH, TPT Đội, Chi đoàn, các đồng chí giáo viên. [H1-1.2-02]

b) Hội đồng trường đã quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường. Hội đồng trường còn giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

Hội đồng trường có chức năng quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, tham gia xây dựng chiến lược phát triển nhà trường.

Hội đồng trường quyết nghị về phương hướng hoạt động của nhà trường trong từng năm học, về chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030. Quyết nghị, sửa đổi các quy chế như: quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc, quy tắc ứng xử có văn hóa trong nhà trường. [H1-1.2-01]

Hội đồng TĐKT giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với CB-GV-NV-HS nhà trường vào cuối mỗi năm học, hoặc khi cần thiết. [H1-1.2-03]

Hội đồng chấm thi GV giỏi có nhiệm vụ chấm các nội dung trong hội thi GV giỏi cấp trường, tổng hợp kết quả và lựa chọn GV tham dự hội thi GV giỏi cấp huyện. Trường có 3 đồng chí đạt GVG cấp Tỉnh (Đ/c Lê Cao Sơn, Vũ Thị Nhân, Vũ Thị Thuý) và 5 đồng chí đạt GVG cấp huyện (Đ/c Lê Cao Sơn, Vũ Thị Nhân, Vũ Thị Thuý, Lại Thị Trang, Mai Thị Dung) [H1-1.2-02]

Tổ tư vấn tâm lý có nhiệm vụ định hướng cho HS có khó khăn về tâm lý, tình cảm, những bức xúc của lứa tuổi, những vướng mắc trong học tập và sinh hoạt. [H1-1.2-02]

c) Hội đồng trường họp định kỳ 3 lần/năm học, các hội đồng khác họp ít nhất 1 lần/năm học. Trong cuộc họp đầu năm các hội đồng đề ra phương hướng hoạt động trong năm học. Các cuộc họp tiếp theo sơ kết, tổng kết, đánh giá việc

thực hiện chương trình hoạt động. Chủ tịch các hội đồng đánh giá, chỉ ra những ưu điểm, những hạn chế trong quá trình hoạt động có sự đóng góp ý kiến của các thành viên. Từ đó đề ra các biện pháp phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế. [H1-1.2-01]

Mức 2

Hội đồng trường đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: đã giám sát việc thực hiện các nghị quyết, các quy chế thường xuyên và có đánh giá nhận xét theo từng kỳ. Vì vậy nhà trường đã hoàn thành tốt nghị quyết trong từng năm học: 100% CB, GV của nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy chế, môi trường sư phạm đoàn kết, thân thiện; 99% đến 100% HS hoàn thành chương trình lớp học, trong đó có từ 40% đến 50% HS có thành tích xuất sắc hoặc có thành tích vượt trội trong học tập và rèn luyện; có nhiều HS đạt giải trong các cuộc giao lưu; nhiều đồng chí CB-GV-NV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua và giấy khen của các cấp; tập thể nhà trường luôn đạt danh hiệu "Cờ thi đua Xuất sắc" hoặc "Tập thể Lao động Xuất sắc". Trong nhiều năm, kết quả các mặt hoạt động của nhà trường luôn dẫn đầu toàn huyện, được CMHS tin yêu, tin nhiệm, được chính quyền địa phương tin tưởng.

Hội đồng TĐKT của trường đã phát động các phong trào thi đua trong từng năm học và đề nghị nhà trường khen thưởng các tập thể và cá nhân vào cuối mỗi năm học hay kết thúc mỗi đợt phát động phong trào thi đua. Chính vì vậy, chất lượng đội ngũ, chất lượng các cuộc giao lưu, các hội thi và kết quả học tập của HS được nâng lên rõ nét.

Tổ tư vấn tâm lý đã kịp thời tư vấn cho HS về cách phòng chống bạo lực học đường, kỹ năng tự bảo vệ bản thân, về giới tính, về sức khỏe, ... đã góp phần ổn định tâm lý, tình cảm và giúp HS thực hiện được ước mơ của mình. Từ đó CMHS và học sinh yên tâm, tin tưởng vào nhà trường.

Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm đã giúp đỡ, tư vấn, động viên khích lệ phong trào nên hằng năm có 100% GV tham gia viết sáng kiến cấp trường, hàng năm có từ 5 đến 13 sáng kiến tham gia dự thi cấp huyện, có từ 3 đến 11 sáng kiến dự thi cấp Tỉnh. Đặc biệt sáng kiến "Đổi mới hình thức tổ chức họp phụ huynh học sinh" của đồng chí Mai Thị Dung; "Một số biện pháp tổ chức tiết sinh hoạt lớp nhằm tạo hứng thú cho học sinh lớp 5 theo mô hình trường học mới Việt Nam" của cô giáo Khương Thị Thảo hay sáng kiến "Một số bài tập nâng cao thành tích chạy ngắn cho học sinh tiểu học tham gia câu lạc bộ TĐTT" của thầy giáo Lê Cao Sơn đã xuất sắc được Sở Khoa học công nghệ tặng Giấy khen. Nhiều đồng chí được Giám đốc Sở GD&ĐT tặng Giấy khen như đồng chí Đỗ Hồng Duy - Nguyễn Thị Ngoãn với sáng kiến "Một số biện pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học"; sáng kiến được công nhận có ảnh hưởng cấp ngành như đồng chí Nguyễn Thị Nhung, Vũ Thị Thom, Phạm Văn Dũng, Trịnh Thị Liễu. Cụ thể số lượng hàng năm như sau:

Danh hiệu	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	Tổng
Sở KHCN khen	1	1	1			03
Giấy khen Sở GD&ĐT	2	3	3	5		13
Dự thi cấp Tỉnh	3	6	9	11		29
Dự thi Huyện	5	9	12	13	14	53

[H1-1.2-01]; [H1-1.2-03]; [H1-1.4-06]

Hội đồng đánh giá Bài giảng điện tử và Thiết bị dạy học số làm việc khoa học, tư vấn hiệu quả nên các sản phẩm dự thi của nhà trường đã đạt được thành tích cao. Năm học 2021-2022 có 5 đồng chí tham gia dự thi bài giảng điện tử E-Learning được 5 giải trong đó bài Vận tốc môn Toán lớp 5 của đồng chí Vũ Thị Thúy đạt giải Nhì, bài giảng của các đồng chí Lê Cao Sơn, Vũ Thị Nhân, Vũ Thị Thom đạt giải Ba và đồng chí Mai Thị Dung được đánh giá đạt. Năm học 2022-2023 có 6 đồng chí tham gia dự thi Bài giảng điện tử E-Learning được 4 giải trong đó đồng chí Nguyễn Thị Ngoãn với bài dự thi môn Tin học lớp 3- Thông tin và Quyết định đạt giải Nhất, đồng chí Vũ Thị Thúy, Vũ Thị Nhân đạt giải Nhì, Mai Thị Dung, Trịnh Thị Liễu, Vũ Thị Thom đạt giải Ba; Có 13 đồng chí tham gia cuộc thi Thiết bị dạy học số cấp tỉnh, có 3 sản phẩm dự thi cấp Quốc gia và sản phẩm “Hình ảnh trực quan các loại máy tính, mô hình mô phỏng các bước bật, tắt máy tính” của đồng chí Nguyễn Thị Ngoãn đạt giải KK toàn quốc; 6 đồng chí có bài giảng Thiết bị dạy học số cấp tỉnh (Nguyễn Thị Ngoãn, Vũ Thị Nhân, Lại Thị Trang đạt giải Nhất; Mai Thị Dung, Bùi Thị Thảo, Trương Thị Duyên đạt giải Nhì). Năm học 2023-2024 có 22 đồng chí GV với 11 sản phẩm Thiết bị dạy học số dự thi cấp Tỉnh (trong đó 1 giải Ba, 7 giải KK, 3 Đạt) do Sở GD&ĐT tổ chức và cuộc thi Bài giảng điện tử môn Tiếng Anh do Bộ GD&ĐT phát động (có 1 sản phẩm).

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường hoạt động thường xuyên, tích cực và hiệu quả, góp phần vào việc nâng cao chất lượng các mặt hoạt động giáo dục của nhà trường. Vì vậy, trong nhiều năm, kết quả các mặt hoạt động của nhà trường luôn dẫn đầu toàn huyện, chất lượng đội ngũ được nâng lên, được CMHS và nhân dân địa phương tin tưởng.

Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm đã giúp đỡ, tư vấn, động viên khích lệ phong trào nên hàng năm có từ 7 đến 13 sáng kiến tham gia dự thi cấp huyện, có từ 3 đến 11 sáng kiến dự thi cấp Tỉnh, được Giám đốc Sở Giáo dục Đào tạo và Sở Khoa học công nghệ tặng Giấy khen.

Hội đồng đánh giá Bài giảng điện tử và Thiết bị dạy học số làm việc khoa học, tư vấn hiệu quả nên các sản phẩm dự thi của nhà trường đã đạt được thành tích cao. Hàng năm có nhiều sản phẩm dự thi đạt giải cao cấp Tỉnh.

3. Điểm yếu

Kinh phí hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng chưa nhiều nên việc hỗ trợ kinh phí để động viên khen thưởng kịp thời cho các hoạt động phong trào cho GV chưa tương xứng với kết quả đạt được.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy, duy trì hội đồng đánh giá Bài giảng điện tử, Thiết bị dạy học số và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học.	Hiệu trưởng, Hiệu phó, GV		Thực hiện trong các năm học	
Tiếp tục phát động phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm trong các năm học.	BGH, TTCM	Thời gian, kinh phí	Thực hiện trong các năm học	
Điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ hợp lý để dành phần kinh phí cho việc động viên khen thưởng CB, GV, NV tham gia viết SKKN, các cuộc thi.	Nhà trường	Kinh phí	Thực hiện trong các năm học	15 triệu đồng/năm
Hội đồng đánh giá SKKN, thiết bị dạy học số, bài giảng điện tử tiếp tục tập trung nghiên cứu, chỉnh sửa cho sáng kiến, thiết bị dạy học số đạt giải cao ở các cuộc thi.	Hội đồng đánh giá SKKN, TBDHS, BGĐT		Thực hiện trong các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có Chi bộ Đảng, có Cấp ủy chi bộ được Đảng uỷ thị trấn Rạng Đông công nhận kết quả bầu cử theo Quyết định số 30-QĐ/ĐU ngày 30/6/2022 Quyết định chuẩn y kết quả bầu cử Chi uỷ, Bí thư, Phó bí thư chi bộ nhiệm kỳ 2022-2025. Năm học 2023-2024, Chi bộ có 33 đảng viên, Ban chỉ ủy gồm: 03 đồng chí: 01 Bí thư, 01 Phó bí thư, 01 Ủy viên. Bí thư là đồng chí Đỗ Hồng Duy - Hiệu trưởng, phó Bí thư là đồng chí Đoàn Thị Hà - Phó hiệu trưởng. Chi bộ hoạt động Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Công đoàn nhà trường có 36 công đoàn viên. BCH Công đoàn được Liên đoàn Lao động huyện Nghĩa Hưng công nhận kết quả bầu cử theo Quyết định số 16/QĐ-LĐLĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Liên đoàn Lao động huyện Nghĩa Hưng, gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch, 01 Ủy viên. Chủ tịch công đoàn là đồng chí Mai Thị Dung.

Chi đoàn GV có 19 đoàn viên. BCH Đoàn gồm 01 Bí thư, 01 Phó bí thư, 01 Ủy viên. Bí thư là đồng chí Lê Cao Sơn đã được BCH Đoàn thị trấn Rạng Đông công nhận chức danh Bí thư chi đoàn theo QĐ số 05-QĐ/ĐTN ngày 25 tháng 5 năm 2022.

Đầu năm học 2023-2024, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh gồm 333 đội viên, được biên chế thành 11 chi đội, đồng chí Phạm Thị Đào là Tổng phụ trách Đội

được HT nhà trường bổ nhiệm theo Quyết định số 40/QĐ-THRĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 Toàn trường có 564 nhi đồng biên chế thành 17 chòm sao.

Trong các năm học qua, Liên đội nhà trường tích cực triển khai thực hiện các phong trào hoạt động do các cấp phát động, góp phần không nhỏ trong việc phát triển và rèn luyện các phẩm chất, năng lực của đội viên. Liên đội nhà trường đã được Hội đồng Đội các cấp ghi nhận và tặng Giấy khen, Bằng khen. Cụ thể:

Năm học 2018-2019, Liên đội được BCH Đoàn TNCS HCM tỉnh Nam Định tặng Bằng khen theo Quyết định số 22-QĐ/TĐTN ngày 08 tháng 8 năm 2019;

Năm học 2021-2022, Liên đội được BCH Đoàn TNCS HCM tỉnh Nam Định tặng Bằng khen theo Quyết định số 72-QĐ/TĐTN-VP ngày 01 tháng 8 năm 2022;

Năm học 2022-2023 Liên đội được BCH Đoàn TNCS HCM huyện Nghĩa Hưng tặng Giấy khen theo định số 159-QĐ/ĐTN-VP ngày 26 tháng 6 năm 2023. [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]

b) Chi bộ Đảng đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2022-2025 vào ngày 29/4/2022. Sau đại hội, chi bộ đã xây dựng quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cho từng đảng viên. Chi bộ đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm.

Chi bộ sinh hoạt 1 lần/tháng sau mỗi phiên họp có nghị quyết lãnh đạo hành tháng, nghị quyết chuyên đề. Năm học 2023-2024 chi bộ xây dựng kế hoạch năm với những nội dung nổi bật là: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, rà soát, bổ sung các tiêu chí về cơ sở vật chất để được công nhận KĐCLGD cấp độ 2 và công nhận trường Chuẩn quốc gia mức độ I, Chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, Thư viện Tiên tiến. Chi bộ đã chỉ đạo, giám sát và lãnh đạo đảng viên luôn gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện công tác tư tưởng chính trị, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác. Chi bộ có đầy đủ hồ sơ và lưu trữ khoa học. Vào cuối mỗi năm, chi bộ tổ chức kiểm điểm tập thể và từng đảng viên, bổ sung lý lịch đảng viên. Hằng năm, chi bộ có kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ các quần chúng ưu tú và cử đi học lớp nhận thức về Đảng.

Hàng năm, chi bộ nhà trường đều được đánh giá “Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ”. Năm 2019 chi bộ được Đảng bộ huyện Nghĩa Hưng tặng Giấy khen theo Quyết định số 461-QĐ/HU ngày 16/01/2019; Năm 2023 chi bộ được Đảng bộ thị trấn Rạng Đông tặng Giấy khen theo Quyết định số 48-QĐ/ĐU ngày 12/12/2023;

Công tác thu chi tài chính của chi bộ công khai, minh bạch.

Công đoàn nhà trường tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2023-2028 ngày 07/3/2023. Sau khi đại hội, BCH Công đoàn đã họp và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Công đoàn đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và từng năm học. Năm học 2023-2024, công đoàn xây dựng chương trình hành

động với những nội dung nổi bật là: Nâng cao chất lượng giáo dục, rà soát, bổ sung các tiêu chí để được công nhận KĐCLGD cấp độ 2 và công nhận lại trường Chuẩn quốc gia mức độ I, thường xuyên quan tâm tới đời sống của từng công đoàn viên. Công đoàn nhà trường đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục về chủ trương đường lối của đảng, phối hợp với chuyên môn để triển khai nhiệm vụ các năm học, kiểm tra giám sát thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến quyền lợi của người lao động, nắm bắt những bất cập, khó khăn của công đoàn viên.

Chi đoàn Thanh niên của nhà trường được thành lập và hoạt động hiệu quả. BCH chi đoàn đã họp và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Chi đoàn đã xây dựng kế hoạch cụ thể trong từng năm học, phối hợp với Liên đội và Công đoàn nhà trường để thực hiện các hoạt động chung của nhà trường.

Liên đội TNTP Hồ Chí Minh tổ chức đại hội theo nhiệm kỳ 1 lần/năm học. Đại hội đã bầu ra Ban chỉ huy Liên đội để điều hành các hoạt động của Liên đội. Ban chỉ huy Liên đội đã xây dựng kế hoạch và phân công cho các thành viên phụ trách các hoạt động cụ thể. Hàng tháng, hàng kỳ, Ban chỉ huy Liên Đội tổ chức họp để đánh giá các hoạt động.

Các tổ chức: Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục. [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]

c) Hàng năm, các tổ chức này có kế hoạch hoạt động và được sơ kết, tổng kết vào cuối kì 1 và cuối năm học để đánh giá các hoạt động, đồng thời đề ra phương hướng để lãnh đạo, chỉ đạo năm học tiếp theo.

[H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]

Mức 2

a) Từ năm 2019 đến năm 2023, Chi bộ đều được Đảng ủy thị trấn đánh giá, xếp loại Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ. Năm 2019 chi bộ nhà trường được nhận Giấy khen của Đảng bộ huyện Nghĩa Hưng theo Quyết định số 461/QĐ/HU ngày 16/01/2019; Năm 2023 chi bộ nhà trường được nhận Giấy khen của Đảng bộ thị trấn Rạng Đông theo Quyết định số 48-QĐ/ĐU ngày 12/12/2023;

b) Nhiều năm liền Công đoàn nhà trường đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh; được LĐLĐ tỉnh tặng Bằng khen nhiều năm liền theo các Quyết định số 25/QĐ-LĐLĐ ngày 19/7/2018; số 271/QĐ-LĐLĐ ngày 07/8/2020; số 607/QĐ-LĐLĐ ngày 30/6/2022. Tặng Cờ thi đua Xuất sắc năm 2019 theo Quyết định số 23/QĐ- LĐLĐ ngày 5/7/2019 và năm 2023 theo Quyết định số 795/QĐ-LĐLĐ ngày 13/7/2023. [H1-1.3-02]

Mức 3

a) Từ năm 2019 đến năm 2023, Chi bộ đều được Đảng ủy thị trấn đánh giá, xếp loại Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ. Năm 2019 chi bộ nhà trường được nhận Giấy khen của Đảng bộ huyện Nghĩa Hưng theo Quyết định số 461-QĐ/HU

ngày 16/01/2019; Năm 2023 chi bộ nhà trường được nhận Giấy khen của Đảng bộ thị trấn Rạng Đông theo Quyết định số 48-QĐ/ĐU ngày 12/12/2023;

b) Các đoàn thể trong nhà trường đã thúc đẩy các phong trào thi đua chào mừng các ngày lễ lớn, các phong trào do ngành phát động, các hoạt động tập thể theo chủ đề, chủ điểm, tích cực tham gia xây dựng tập thể đoàn kết, chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và của địa phương. Vì vậy, các hoạt động phong trào của nhà trường đạt được những thành tích đáng trân trọng, nhà trường đã tổ chức được một số hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn như ngày 20/10; 20/11; 8/3... vui vẻ, ấn tượng được đông đảo CMHS tham gia.

2. Điểm mạnh

Các tổ chức đoàn thể đã hoạt động tích cực theo đúng điều lệ. Giúp cho nhà trường đã cải tiến được chất lượng giáo dục, nâng cao hiệu quả của các hoạt động.

Từ năm 2019 đến năm 2023, Chi bộ đều được Đảng ủy thị trấn đánh giá, xếp loại Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ; được nhận Giấy khen của Đảng bộ huyện Nghĩa Hưng và Đảng bộ thị trấn Rạng Đông.

Nhiều năm liền Công đoàn nhà trường đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh; được LĐLĐ tỉnh tặng Bằng khen Công đoàn được nhận Cờ thi đua, Bằng khen của các cấp; Liên Đội nhận Bằng khen của Tỉnh Đoàn, Đoàn TN được nhận Giấy khen của BCH Đoàn thị trấn.

3. Điểm yếu

Đoàn thanh niên chưa tổ chức được nhiều hoạt động nổi bật, sáng tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào, phát động các đợt thi đua nhân dịp các ngày lễ lớn. Lựa chọn các chủ đề cao điểm, Huy động nguồn lực tổ chức thực hiện. Từ đó rút kinh nghiệm nhân rộng và lan tỏa phong trào.	Chi đoàn		Trong các năm học	
Tiếp tục duy trì và phát triển kết quả đạt được, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong những năm tiếp theo.	Hiệu trưởng, Hiệu phó, GV		Trong các năm học	

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Huy động nguồn kinh phí từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường để tổ chức các hoạt động.	Chi đoàn		Trong các năm học	15 triệu đồng/năm
- Tích cực tuyên truyền, vận động quần chúng ưu tú vào Đảng. Bồi dưỡng quần chúng ưu tú vào Đảng.	BGH, BCHCD, Đảng viên	Trong các năm học		

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó HT, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3 (nếu có):

- Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Năm học 2023-2024, trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông có 28 lớp, BGH nhà trường gồm: 01 Hiệu trưởng và 02 Phó HT đảm bảo theo quy định tại khoản 2, Điều 11 của Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020.

* Hiệu trưởng:

Họ tên: Đỗ Hồng Duy

Ngày, tháng, năm, sinh: 14/10/1974

Trình độ CM: Thạc sĩ chuyên ngành Quản lí giáo dục.

Trình độ chính trị: Trung cấp

Đã được bổ nhiệm làm PHT vào năm 1996; được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng tại trường theo Quyết định số 2876/QĐ-UBND ngày 23 tháng 06 năm 2014 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng.

Thời gian làm hiệu trưởng tại trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông là 10 năm.

* Phó Hiệu trưởng:

1. Họ tên: Đoàn Thị Hà

Ngày, tháng, năm, sinh: 10/8/1973

Trình độ CM: Đại học

Trình độ chính trị: Trung cấp

Đã được bổ nhiệm lại làm Phó Hiệu trưởng theo Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 13 tháng 06 năm 2023 của Chủ tịch UBND huyện nghĩa Hưng.

Thời gian làm HP tại trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông là 20 năm.

2. Họ tên: Dương Thị Cúc

Ngày, tháng, năm, sinh: 01/01/1974

Trình độ CM: Đại học

Trình độ chính trị: Trung cấp

Đã được bổ nhiệm lại làm Phó Hiệu trưởng theo Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 30 tháng 09 năm 2019 của Chủ tịch UBND huyện nghĩa Hưng.

Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông là 10 năm.

b) Nhà trường có 5 tổ chuyên môn là Tổ chuyên môn khối 1, Tổ chuyên môn khối 2; Tổ chuyên môn khối 3; Tổ khối chuyên môn 4; Tổ chuyên môn khối 5 và một Tổ văn phòng được thành lập vào đầu mỗi năm học theo Thông tư

số 28/2020/TT-BGDĐT ban hành ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD và ĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học.

[H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]

c) Tổ chuyên môn khối 1, Tổ chuyên môn khối 2; Tổ chuyên môn khối 3; Tổ khối chuyên môn 4; Tổ chuyên môn khối 5 và Tổ văn phòng căn cứ vào Kế hoạch GD của nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo từng năm học và được Hiệu trưởng phê duyệt. Năm học 2023-2024 kế hoạch tổ chuyên môn và tổ văn phòng tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm là: nâng cao chất lượng GD toàn diện, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất, giáo viên dạy lớp 1, 2, 3, 4 chủ động xây dựng kế hoạch môn học và hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu của chương trình GDPT 2018. Xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí để đạt trường đạt KĐCLGD cấp độ 2. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Điều lệ trường tiểu học.

[H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]

Mức 2

a) Hằng năm, Tổ chuyên môn khối 1, Tổ chuyên môn khối 2; Tổ chuyên môn khối 3; Tổ khối chuyên môn 4; Tổ chuyên môn khối 5 và Tổ văn phòng căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường để xây dựng đề xuất một số chuyên đề như: Chuyên đề “Ứng dụng chuyển đổi số trong từng tiết học” của Tổ khối 5; "Dạy học Stem" của Tổ khối 3; "Dạy học trải nghiệm" của Tổ khối 2; "Sử dụng và khai thác hiệu quả các phần mềm dạy học" của Tổ khối 1; "Dạy học kết nối" của nhóm Tiếng Anh; chuyên đề "Nâng cao kỹ thuật dạy học tích cực"; "Nâng cao chất lượng chữ viết cho học sinh" cho GV toàn trường. Chuyên đề được thảo luận, chia sẻ trong các buổi SHCM và được các đồng chí GV trong toàn trường áp dụng vào việc giảng dạy cho học sinh. [H1-1.4-03]

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng cuối học kỳ và cuối mỗi năm học tổ chức rà soát đánh giá và điều chỉnh các hoạt động của tổ cho phù hợp với tình hình thực tế. [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]

Mức 3

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã chỉ đạo việc thực hiện chương trình, việc đổi mới phương pháp dạy học, việc đánh giá học sinh và thống nhất một số nhiệm vụ trọng tâm hàng tháng, hàng tuần giúp cho việc thực hiện chương trình của các khối lớp được thống nhất và đảm bảo theo đúng kế hoạch, GV trong trường tích cực đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, nhiều GV đạt danh hiệu GV giỏi, GV chủ nhiệm giỏi cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh; đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ học sinh đảm bảo đúng năng lực, phẩm chất và đúng tiến độ.

[H1-1.4-03]; [H1-1.4-05]

b) Tổ chuyên môn đã thực hiện có hiệu quả một số chuyên đề giúp cho chất lượng giảng dạy của các khối lớp được nâng cao nhiều khối thi khảo sát của

Sở GDĐT luôn đứng ở tốp đầu của huyện, giúp học sinh rất tự tin và chủ động trong việc chiếm lĩnh kiến thức. [H1-1.4-05]

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng là cán bộ quản lý cơ sở GDPT cốt cán, có bằng Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục. Hiệu phó có bằng Đại học sư phạm, được đào tạo chính quy. Trong công tác chỉ đạo, điều hành, hiệu trưởng và hiệu phó luôn chủ động, làm việc khoa học, có kinh nghiệm trong việc lãnh đạo, quản trị nhà trường. Quản lý, phân công, bố trí, sử dụng đội ngũ phù hợp với tình hình nhà trường hiện có. Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đội ngũ GV nâng cao tay nghề.

Hàng năm tổ chuyên môn đã đề xuất và thực hiện có hiệu quả một số chuyên đề như “Ứng dụng chuyển đổi số trong từng tiết học”; "Dạy học Stem"; "Dạy học trải nghiệm"; "Sử dụng và khai thác hiệu quả các phần mềm dạy học"; "Dạy học kết nối" của nhóm Tiếng Anh; chuyên đề "Nâng cao kỹ thuật dạy học tích cực"; "Nâng cao chất lượng chữ viết cho học sinh" góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Nhiều năm liền, tổ chuyên môn có những giải pháp giúp cho chất lượng giảng dạy của các khối lớp được nâng cao nhiều khi thi khảo sát của Sở GDĐT luôn đứng ở tốp đầu của huyện.

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ VP được thực hiện theo đúng kế hoạch, có nền nếp góp phần hoàn thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Tổ trưởng tổ văn phòng là nhân viên Y tế kiêm nhiệm nên hồ sơ văn phòng đôi khi chưa trình bày đúng thể thức văn bản theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên	Các đồng chí trong tổ văn phòng	Tham gia các lớp tập huấn, tự học tự bồi dưỡng	Năm học 2023-2024	10 triệu
Tiếp tục phát huy điểm mạnh về việc thực hiện hiệu quả các chuyên đề dạy học, phương pháp hình thức dạy học tích cực để nâng cao chất lượng giáo dục.	Hiệu trưởng, Hiệu phó, GV		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Năm học 2023-2024, nhà trường có 5 khối từ khối 1 đến khối 5, toàn trường có 28 lớp. [H1-1.5-01]

b) Học sinh được tổ chức theo lớp, mỗi lớp có 01 lớp trưởng, 02 lớp phó và 03 đến 04 tổ trưởng. Trong năm học mỗi lớp có 1 GV làm công tác chủ nhiệm. [H1-1.5-01]

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Ban cán sự lớp do học sinh ứng cử, được học sinh trong lớp, trong tổ bầu chọn và luân phiên trong năm học. Kế hoạch hoạt động của lớp, của các tổ do các em tự xây dựng cụ thể theo tuần, theo tháng và do lớp trưởng, các tổ trưởng điều hành. [H1-1.5-01]

Mức 2

a) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, mỗi năm học nhà trường không có quá 30 lớp, đảm bảo số lớp theo quy định. [H1-1.5-01]

Năm học	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng số lớp
2019-2020	6	6	6	6	6	30
2020-2021	6	6	6	6	6	30
2021-2022	6	6	6	6	6	30

2022-2023	6	6	6	4	6	28
2023-2024	6	5	6	6	5	28

b) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 số học sinh bình quân của mỗi khối đều không vượt quá 35 em. [H1-1.5-01]

Năm học	Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5	Tổng số học sinh	Bình quân số HS/ lớp học
2019-2020	153	202	164	149	154	822	27,4
2020-2021	206	143	200	153	148	850	28,3
2021-2022	197	202	142	203	154	892	29,7
2022-2023	176	188	202	142	195	903	30,1
2023-2024	213	168	183	196	137	897	32,0

c) Tổ chức lớp học được bố trí linh hoạt cho phù hợp với các hoạt động dạy học. Trong mỗi lớp HS được chia thành các tổ, nhóm học tập, ở mỗi nhóm học sinh được sắp xếp gồm các đối tượng khác nhau để các em có thể giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động. Số lượng HS trong các nhóm tùy theo việc tổ chức các hoạt động, có thể là nhóm 2, nhóm 4 hoặc nhóm 6. Ngoài ra, mỗi lớp HS còn được chia thành các ban tùy theo năng lực, sở thích của HS và HS được tự nguyện tham gia hoặc không tham gia vào các ban. [H1-1.5-01]

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường tổ chức các lớp học một cách linh hoạt, phù hợp để triển khai, thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục theo chương trình GDPT 2018.

Cơ cấu tổ chức của mỗi lớp học hợp lý, có vận dụng linh hoạt thành tố tích cực của mô hình trường học mới, HS được chia thành các ban tùy theo năng lực, sở thích, được phát huy quyền dân chủ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Ở các khối lớp 1, 2 ban cán sự lớp hoạt động đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tổ chức lớp học linh hoạt cho phù hợp với các hoạt động dạy học.	GVCN		Trong các năm học	
Lựa chọn đội ngũ cán sự lớp. Bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán sự lớp 1,2	GVCN, Tổng PTĐ		Năm học 2023–2024	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-----	
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3 (nếu có):

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động GD theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học: Sổ đăng bộ, sổ PCGD tiểu học, sổ theo dõi kết quả kiểm tra đánh giá HS; hồ sơ GD đối với HS khuyết tật; học bạ của HS; hồ sơ quản lý CB-GV-NV; sổ khen thưởng, kỷ luật; sổ tài sản, tài chính; sổ quản lý các văn bản, công văn. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định của Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ.

[H3-3.2-01]; [H5-5.5-01]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-01]

b) Nhà trường lập dự toán thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định và theo điều kiện thực tế của nhà trường. Hằng năm, căn cứ vào sự chỉ đạo của cấp trên, vào các quy chế đã được xây dựng, nhà trường quyết toán công khai tài chính 2 lần/năm. Định kỳ, nhà trường công khai tài chính, tài sản theo Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính và Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017.

Trong Hội nghị Nhà giáo, CBQLGD, NLĐ hằng năm nhà trường đã thảo luận, thống nhất để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Từ năm 2019 căn cứ vào Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐNN ngày 07 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh Nam Định nhà trường bổ sung chế độ chi hội nghị, chế độ công tác phí vào quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành.

[H1-1.6-02]; [H3-3.2-01]; [H1-1.9-01]

c) Tài sản của nhà trường được quản lý và bàn giao vào đầu và cuối năm học. Tài chính của nhà trường chi theo đúng tiêu chuẩn, định mức được xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường. [H1-1.6-02]

Mức 2

a) Nhà trường đã sử dụng một số phần mềm để quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: Phần mềm kế toán, phần mềm phổ cập, phần mềm "Vnedu.com", cơ sở dữ liệu ngành,... [H1-1.6-02]

b) Nhà trường được kiểm tra hành chính, tài sản, tài chính định kỳ theo kế hoạch của cấp trên. Trong 05 năm gần đây không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. [H1-1.6-02]

Mức 3

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương được xây dựng cụ thể trong kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường. [H1-1.6-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học; bước đầu lưu trữ được hồ sơ theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ.

Tài chính, tài sản của nhà trường sử dụng đúng quy định, đúng hướng dẫn của cấp trên và công khai theo đúng Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính, Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT. Các đợt thanh tra, kiểm tra về tài chính trong 5 năm qua không có vi phạm, được cơ quan quản lý cấp trên kết luận không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tích cực ứng dụng CNTT vào việc quản lý hành chính, tài sản, tài chính giúp cho việc vận hành công việc được tốt hơn.

3. Điểm yếu

Việc lưu trữ, hồ sơ còn hạn chế vì số lượng nhân viên còn thiếu so với yêu cầu, công việc văn thư được kiêm nhiệm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (<i>chủ trì/ phối hợp/giám sát</i>)	Điều kiện để thực hiện	Mức thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tuyên truyền nghiên cứu, thực hiện lưu trữ hồ sơ theo ND 30/2020/NĐ-CP, ngày 05/3/2020 của Chính phủ.	NV, CB, GV	Các văn bản	Thường xuyên	
Tập huấn cho nhân viên phụ trách lưu trữ hồ sơ.	PGD	Đăng ký dự các lớp tập huấn	Trong các năm học	10 triệu đồng/năm
Phối kết hợp mọi thành viên trường trong việc lưu trữ hồ sơ	BGH, NV	BGH, CB, GV	Thường xuyên	
Ứng dụng CNTT để lưu trữ hồ sơ, hàng năm nhà trường mua tài khoản Office 365 để lưu trữ các hồ sơ, tài liệu.	CB, GV, NV		Thường xuyên	400 000 đồng/năm

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CB quản lý, GV và NV như tham gia các lớp: Bồi dưỡng lý luận chính trị, học tập nâng cao trình độ. Năm học 2023-2024, tập trung bồi dưỡng về các nhiệm vụ trọng tâm trong năm học, chương trình GDPT 2018, bồi dưỡng cho giáo viên kiến thức về xây dựng điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục đáp ứng yêu cầu môn học, hoạt động theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh trong trường tiểu học. [H1-1.7-02]

b) Đầu năm học, căn cứ theo các quy định trong Điều lệ trường tiểu học hiệu trưởng ra quyết định phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, hợp lý cho từng CB, GV và NV đảm bảo theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế, năng lực của CB, GV, NV. [H2-2.2-01]

c) Mọi CB, GV, NV được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và các nhiệm vụ theo chuyên môn; đảm bảo quyền theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ trường Tiểu học. [H1-1.2-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.9-01]

Mức 2

Nhà trường đã thực hiện tốt các phong trào thi đua của các cấp đề ra. Xây dựng các quy chế, động viên khen thưởng kịp thời và tạo điều kiện để đội ngũ được tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Phân công giảng dạy và phụ trách các công việc được giao theo đúng năng lực, sở trường tạo cơ hội để phát huy năng lực của CB, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. [H1-1.7-03]

2. Điểm mạnh

CB, GV và NV của nhà trường làm việc theo đúng sự phân công, đúng chuyên môn giúp cho mọi hoạt động trong kế hoạch của nhà trường thực hiện theo đúng tiến độ, đảm bảo các chỉ tiêu đề ra.

Mọi thành viên được phát huy quyền dân chủ và đảm bảo các quyền theo quy định.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để CB, GV, NV được bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

Nhà trường luôn thực hiện tốt các phong trào thi đua của các cấp đề ra trong nhiều năm qua.

3. Điểm yếu

Một vài giáo viên cao tuổi ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các phần mềm trong dạy học còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/phối hợp/giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục thực hiện tốt các phong trào thi đua, tạo cơ hội để phát huy năng lực của CB, GV, NV nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.	Hiệu trưởng, Hiệu phó, GV		Các năm học	
Phân công GV hỗ trợ giúp đỡ GV cao tuổi, hạn chế về ứng dụng CNTT. Đưa ra yêu cầu phù hợp để GV có thể từng bước tiếp cận công nghệ tin học.	GV tin, GV trẻ		Thường xuyên	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học để thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy và GD theo quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. [H5-5.1-01]

b) Các nhiệm vụ trong kế hoạch GD được phân công cụ thể cho từng bộ phận phụ trách: Phó hiệu trưởng phụ trách chất lượng dạy và học, các hoạt động NGLL; xây dựng trường Chuẩn quốc gia và KĐCL do hiệu trưởng phụ trách đề giám sát, theo dõi nhiệm vụ. [H5-5.1-01]

c) Hàng năm, trong các phiên họp Hội đồng sư phạm; sơ kết học kì I, tổng kết năm học nhà trường đã rà soát, đánh giá từng nhiệm vụ trong kế hoạch GD để phát huy những mặt mạnh và có những giải pháp để khắc phục những hạn chế đồng thời có những điều chỉnh, bổ sung vào kế hoạch GD cho phù hợp.

[H5-5.1-01], [H5-5.2-06]

Mức 2

Nhà trường xây dựng kế hoạch GD, thành lập ban kiểm tra nội bộ cấp trường để quản lý các hoạt động GD, ban kiểm tra thực hiện theo từng tháng, từng đợt tập trung vào các nội dung: việc thực hiện chương trình giảng dạy, hồ sơ chuyên môn, trình độ tay nghề, việc thực hiện kế hoạch của các cá nhân, từng tổ chuyên môn và các đoàn thể. Sau mỗi lần kiểm tra ban kiểm tra đã đánh giá, rút kinh nghiệm và có những tư vấn kịp thời để CB, GV, NV phát huy những mặt mạnh đồng thời khắc phục những hạn chế thiếu sót vì vậy mọi nhiệm vụ trong kế hoạch giáo dục được thực hiện theo đúng tiến độ, đạt các chỉ tiêu đề ra được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao:

- Năm học 2019-2020 trường đạt danh hiệu "Tập thể Lao động Xuất sắc" theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh Nam Định;

- Năm học 2020-2021 trường đạt danh hiệu "Tập thể Lao động Tiên tiến" theo Quyết định số 3672/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND huyện Nghĩa Hưng; Được UBND tỉnh tặng Bằng khen theo Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh Nam Định;

- Năm học 2021-2022 trường được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua Xuất sắc

theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh Nam Định;

- Năm học 2022-2023 trường được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua Xuất sắc theo Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 25/08/2023 của UBND tỉnh Nam Định;

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định, thường xuyên rà soát, điều chỉnh kịp thời để phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương nhằm thực hiện tốt và đạt hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giáo dục.

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo đúng kế hoạch đã xây dựng.

Nhà trường đã có những biện pháp để phát huy năng lực của CB, GV, NV trong việc nâng cao chất lượng GD.

Nhà trường luôn dẫn đầu các mặt hoạt động do Sở GDĐT, Phòng GDĐT triển khai.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện kế hoạch giáo dục chưa linh hoạt đối với từng lớp, từng GV, đôi khi còn dập khuôn theo tổ. Chỉ đạo GV tích hợp nội dung dạy học Stem, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục địa phương,... vào Kế hoạch giáo dục đôi khi còn lúng túng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy điểm mạnh về việc tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, tạo cơ hội phát huy năng lực của các thành viên trong trường khi xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch GD theo hướng quản trị trường học.	Hiệu trưởng, Hiệu phó, BCH CĐ, CB-GV- NV- HS		Thường xuyên	
Tổ chức CBGV nghiên cứu kỹ về quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục; triển khai để GV nắm chắc mục tiêu nội dung, phương thức, ... tích hợp	BGH		Trong các năm học	

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Bồi dưỡng năng lực xây dựng, rà soát, điều chỉnh kế hoạch giáo dục. Hỗ trợ CBQL, GV khi xây dựng rà soát, điều chỉnh kế hoạch giáo dục	HT		Thực hiện trong các năm học	
Xây dựng kế hoạch tổ chức từng hoạt động một cách cụ thể, chi tiết	BGH, TPT, BT Đoàn, GVCN		Trong các năm học	
Thường xuyên kiểm tra đôn đốc; phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể	BGH		Trong các năm học	
Sau mỗi hoạt động đánh giá, rút kinh nghiệm.	BGH, TPT, BT Đoàn, GVCN		Trong các năm học	
Huy động nguồn lực tạo kinh phí để tổ chức các hoạt động	BGH, BCH CĐ, CB-GV-NV		Trong các năm học	5 triệu đồng/năm

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, trong hội nghị Nhà giáo CB-QLGD-NLĐ, mọi thành viên trong trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến để xây dựng kế hoạch năm học, quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế chuyên môn, quy tắc ứng xử văn hóa, nội quy nhà trường theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. CB, GV, NV đã đóng góp ý kiến và các biện pháp để nâng cao chất lượng dạy-học, quy chế chi tiêu trong các hoạt động của nhà trường, các quy định trong quy chế làm việc, quy chế chuyên môn. [H1-1.9-01]

b) Trong nhiều năm liền nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nếu có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường sẽ giải quyết đúng pháp luật. [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]

c) Hằng năm, nhà trường có báo cáo đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường. [H1-1.9-01]

Mức 2

Ban thanh tra nhân dân, Hội đồng trường trường giám sát, đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ một cách công khai, dân chủ và được báo cáo công khai trong các buổi họp liên tịch, họp đoàn thể và họp hội đồng nhà trường. [H1-1.9-03]

2. Điểm mạnh

Các quy chế dân chủ đã được thảo luận, đóng góp ý kiến, mọi thành viên trong trường đều thực hiện nghiêm túc các quy chế đã xây dựng.

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện các quy chế dân chủ được thực hiện một cách công khai, minh bạch.

Trong nhiều năm liền nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Điểm yếu

Một số GV, NV đôi lúc còn chưa mạnh dạn trao đổi, đóng góp ý kiến xây dựng một số quy chế của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/phối hợp/giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tạo môi trường làm việc thân thiện, cởi mở.	BGH, BCH CĐ, GV, NV		Trong các năm học	
Giúp CB, GV nhận thức đúng đắn, có trách nhiệm trong việc đóng góp ý kiến xây dựng các quy chế.	BGH, BCH CĐ	Cung cấp các văn bản. Tổ chức các buổi tọa đàm để trao đổi, chia sẻ.	Trong các năm học	
Tạo cơ hội để CB, GV, NV được bày tỏ ý kiến, lắng nghe, trân trọng ý kiến đóng góp của mọi thành viên trong nhà trường.	BGH, BCH CĐ		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-----	
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức

bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội,... [H1-1.10-01]

b) Nhà trường có hộp thư góp ý và cung cấp số điện thoại của Hiệu trưởng trong cuộc họp CMHS để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. [H1-1.10-01]

c) CB, GV và HS trong trường đều được đối xử công bằng. Không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm giới tính, bạo lực trong nhà trường. HS được tôn trọng nhân cách, yêu thương, chia sẻ, động viên và giúp đỡ kịp thời. [H1-1.10-01]

Mức 2

a) Trong các buổi họp hội đồng SP, BGH đã phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn thương tích, an toàn phòng, chống cháy nổ nhà trường hiện có 45 bình bột, 9 tiêu lệnh chữa cháy được đặt tại các vị trí thuận tiện, dễ quan sát, bể chứa nước phòng cháy chữa cháy có thể tích 200 m³, hệ thống thiết bị, máy móc phòng cháy chữa cháy, cầu thang thoát hiểm được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường tới

CB, GV, NV. GV chủ nhiệm các lớp triển khai các nội dung trên tới HS bằng nhiều hình thức như tuyên truyền, hướng dẫn, tích hợp trong các bài học, tiết SHDC, tiết SHL, trong các tiết giáo dục kỹ năng sống. Năm 2020 đồng chí Nguyễn Ngọc Bằng nhân viên Y tế được Giám đốc Sở GD&ĐT tặng Giấy khen về Phong trào phòng chống dịch bệnh Covid 19 theo Quyết định số 618/QĐ-SGD ngày 16/9/2020; Năm 2019-2020 đồng chí Hiệu trưởng Đỗ Hồng Duy vinh dự được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen đã có thành tích trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc theo Quyết định số 2943/QĐ-UBND ngày 08/12/2020. [H1-1.10-01]

b) Ban tư vấn tâm lý nhà trường thường xuyên nắm bắt, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự, tổ tư vấn tâm lý kịp thời đưa ra các biện pháp ngăn chặn một cách hiệu quả. Nghiêm túc lắng nghe phản ánh từ CMHS và nhân dân. [H1-1.10-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác đảm bảo trật tự, an toàn cho HS, CB, GV, NV; thực hiện tốt các quy định về phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, cháy nổ trong trường và được cấp trên đánh giá cao.

Trong những năm qua, nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm giới tính, bạo lực học đường.

3. Điểm yếu

CB, GV, NV nhà trường tuy đã được tập huấn sử dụng phương tiện phòng chống cháy nổ nhưng kiến thức về phòng chống cháy nổ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/phối hợp/giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Mời CA huyện tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ tới CB, GV, NV, HS	BGH	Tổ chức lớp tập huấn	Hè năm 2024	8 triệu đồng
Phát động GV, NV, HS tự bồi dưỡng tự tìm hiểu trên các trang thông tin đại chúng, HS là các tuyên truyền viên vào các buổi sinh hoạt dưới cờ về kiến thức phòng cháy, chữa cháy, cách thoát hiểm khi xảy ra cháy...	BGH, BCH CD, CB-GV- NV- HS		Trong năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-----	
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt			-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 1

* Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và các nguồn lực của nhà trường đã được Phòng GD&ĐT phê duyệt. Hội đồng trường được thành lập và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Điều lệ trường Tiểu học.

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng là những tổ chức độc lập nên rất thuận lợi trong sinh hoạt và hoạt động. Các tổ chức đều có kế hoạch, quy chế hoạt động, hoạt động có hiệu quả và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ trường Tiểu học.

BGH nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học cụ thể theo đúng quy định và tính khả thi cao. Nhà trường thực hiện nghiêm túc quản lý chuyên môn, quản lý tài chính, quản lý HS; làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, công tác TĐKT nên có tác dụng tích cực trong việc động viên khích lệ kịp thời CB-GV-NV-HS góp phần nâng cao chất lượng GD toàn diện.

Hằng năm, nhà trường xây dựng và thực hiện có hiệu quả các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh. Vì thế, nhà trường không xảy ra bất cứ vụ tai nạn thương tích, cháy nổ và ngộ độc thực phẩm nào đối với CB, GV, NV và HS.

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ, sổ sách được lưu trữ theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động bám sát nhiệm vụ của nhà trường, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn có hiệu quả.

* Điểm yếu

Chiến lược phát triển nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của GV, NV và CMHS.

Tổ chức đoàn thanh niên chưa tổ chức được các hoạt động tiêu biểu, sáng tạo.

Việc lưu trữ hồ sơ của nhà trường còn chưa đầy đủ, khoa học.

*** Tự đánh giá**

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	---
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	---
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	---
Tiêu chí 1.8		X	X	---
Tiêu chí 1.9		X	X	---
Tiêu chí 1.10		X	X	---

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông được biên chế đáp ứng yêu cầu. Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng có kinh nghiệm trong công tác quản lý, có năng lực lập kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục theo yêu cầu của trường tiểu học đạt Chuẩn quốc gia mức độ I và Chương trình GDPT 2018. Đội ngũ GV, NV có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm, xây dựng khối đoàn kết vững chắc.

Tiêu chí 2.1: Cán bộ quản lý

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định.
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên.
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm.

Mức 3 (nếu có):

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Cán bộ quản lý nhà trường có 03 đồng chí.

Mức 1

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định.

*** Hiệu trưởng Đỗ Hồng Duy, ngày sinh 14/10/1974.**

- Quá trình công tác:

+ Hiệu trưởng Đỗ Hồng Duy có 31 năm công tác, 27 năm làm quản lý.

+ Bổ nhiệm Phó hiệu trưởng lần đầu tại Trường Tiểu học xã Nghĩa Lợi: tháng 9 năm 1996, theo Quyết định số 572/QĐTC ngày 22/7/1996 của Giám đốc Sở GD&ĐT Nam Hà.

+ Bổ nhiệm Hiệu trưởng lần đầu tại Trường Tiểu học xã Nghĩa Lợi: tháng 9 năm 2003, theo Quyết định số 134/2003/QĐ-UB-TC ngày 25/8/2003 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng

+ Luân chuyển và bổ nhiệm là Hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông từ tháng 7 năm 2014 theo Quyết định số 2218/QĐ-UBND ngày 13/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng.

+ Bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông tháng 7 năm 2019 theo Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 14/06/2019 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng.

- Đào tạo, bồi dưỡng:

+ Có bằng Cử nhân Giáo dục Tiểu học, bằng Thạc sĩ Quản lý Giáo dục;

+ Trình độ LLCT: Tốt nghiệp Trung cấp Lý luận chính trị; Tốt nghiệp Trung cấp Lý luận chính trị - Hành chính.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy định hiện hành và đạt chuẩn hiệu trưởng theo quy định. Hiệu trưởng Đỗ Hồng Duy đã tốt nghiệp khóa bồi dưỡng CBQL GDTH năm 1998, do trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định tổ chức và cấp Giấy chứng nhận tháng 05 năm 1998;

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên tiểu học hạng II.

+ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao.

+ Chức danh nghề nghiệp tương ứng: Giáo viên tiểu học hạng II (V.07.03.28)

- Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học và triển khai thực hiện vào các nhiệm vụ được giao;

+ Thực hiện giảng dạy, giáo dục bảo đảm chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục của nhà trường;

+ Vận dụng được kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh.

+ Có khả năng áp dụng được các phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh;

+ Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục cho học sinh;

+ Thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng để phát triển năng lực chuyên môn bản thân; biết áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào thực tế giảng dạy, giáo dục; hướng dẫn học sinh tự làm được đồ dùng dạy học;

- Đạo đức nghề nghiệp:

+ Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục tiểu học.

+ Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh.

+ Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

+ Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo.

- Năng lực khác:

+ Nắm vững chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật trong ngành, lĩnh vực công tác;

+ Thuyết phục, quy tụ, động viên Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ phó tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên, các tổ chức và các cá nhân tham gia xây dựng và phát triển nhà trường.

+ Năng lực quản lý: Kiến thức tổng hợp; Tầm nhìn chiến lược; Thiết kế và định hướng triển khai; Quyết đoán, có bản lĩnh đổi mới; Lập Kế hoạch hoạt động khoa học, phù hợp với thực tế; Tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ; Quản lý hoạt động dạy học; Quản lý tài chính và tài sản nhà trường; Phát triển môi trường giáo dục; Quản lý hành chính; Quản lý công tác thi đua, khen thưởng; Xây dựng hệ thống thông tin; Kiểm tra đánh giá.

+ Kỹ năng: Kỹ năng quản lý lãnh đạo; Xử lý tình huống; Khả năng phân tích; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng phối hợp.

*** Phó Hiệu trưởng Đoàn Thị Hà, ngày sinh 10/8/1973.**

- Quá trình công tác:

+ Phó Hiệu trưởng Đoàn Thị Hà có 32 năm công tác, 21 năm làm quản lý.

+ Bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông lần đầu vào tháng 12/2003 theo Quyết định số 151/2003/QĐ-UB-TC ngày 02/12/2003 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng.

+ Bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông vào tháng 6/2023 theo Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 27/06/2023 của chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng.

+ Từ tháng 6/2023 đến nay là Phó hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông.

- Trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

+ Có bằng Cử nhân Giáo dục Tiểu học;

+ Trình độ LLCT: Tốt nghiệp Trung cấp Lý luận chính trị, tháng 5 năm 2015.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên tiểu học hạng II.

+ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao.

+ Chức danh nghề nghiệp tương ứng: Giáo viên tiểu học hạng II (V.07.03.28)

- Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học và triển khai thực hiện vào các nhiệm vụ được giao;

+ Thực hiện giảng dạy, giáo dục bảo đảm chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục của nhà trường;

+ Vận dụng được kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh.

+ Có khả năng áp dụng được các phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh;

+ Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục cho học sinh;

+ Thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng để phát triển năng lực chuyên môn bản thân; biết áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào thực tế giảng dạy, giáo dục; hướng dẫn học sinh tự làm được đồ dùng dạy học;

- Đạo đức nghề nghiệp:

+ Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục tiểu học.

+ Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh.

+ Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

+ Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo.

- Năng lực khác:

+ Nắm vững chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật trong ngành, lĩnh vực công tác;

+ Thuyết phục, quy tụ, động viên tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ phó tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên, các tổ chức và các cá nhân tham gia xây dựng và phát triển nhà trường.

+ Năng lực quản lý: Kiến thức tổng hợp; Tầm nhìn chiến lược; Thiết kế và định hướng triển khai; Quyết đoán, có bản lĩnh đổi mới; Lập Kế hoạch hoạt động khoa học, phù hợp với thực tế; Tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ; Quản lý hoạt động dạy học; Quản lý tài chính và tài sản nhà trường; Phát triển môi trường giáo dục; Quản lý hành chính; Quản lý công tác thi đua, khen thưởng; Xây dựng hệ thống thông tin; Kiểm tra đánh giá dưới sự phân công cụ thể của Hiệu trưởng.

+ Kỹ năng: Kỹ năng quản lý lãnh đạo; Xử lý tình huống; Khả năng phân tích; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng phối hợp.

*** Phó Hiệu trưởng Dương Thị Cúc, ngày sinh 01/01/1974.**

- Quá trình công tác:

+ Phó Hiệu trưởng Dương Thị Cúc có 31 năm công tác, 10 năm làm quản lý.

+ Bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông lần đầu vào tháng 10/2014 theo Quyết định số 4716/QĐ-UBND ngày 09/10/2014 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng.

+ Bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông vào tháng 9/2019 theo Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 30/9/2019 của Chủ tịch UBND huyện Nghĩa Hưng.

+ Từ tháng 10/2019 đến nay là Phó hiệu trưởng trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông.

+ Chức danh nghề nghiệp tương ứng: Giáo viên tiểu học hạng III (V.07.03.29)

- Trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

+ Có bằng Cử nhân Giáo dục Tiểu học;

+ Trình độ LLCT: Tốt nghiệp Trung cấp Lý luận chính trị tháng 9 năm 2018.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn CDNN giáo viên tiểu học hạng II.

+ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong một số nhiệm vụ cụ thể được giao.

- Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học và triển khai thực hiện vào các nhiệm vụ được giao;

+ Thực hiện giảng dạy, giáo dục bảo đảm chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục của nhà trường;

+ Vận dụng được kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh.

+ Có khả năng áp dụng được các phương pháp dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh;

+ Có khả năng phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục cho học sinh;

+ Thường xuyên tự học, tự bồi dưỡng để phát triển năng lực chuyên môn bản thân; biết áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào thực tế giảng dạy, giáo dục; hướng dẫn học sinh tự làm được đồ dùng dạy học;

- Đạo đức nghề nghiệp:

+ Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và địa phương về giáo dục tiểu học.

+ Thường xuyên trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh.

+ Thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

+ Thực hiện nghiêm các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ chung của viên chức và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đạo đức nhà giáo.

- Năng lực khác:

+ Nắm vững chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật trong ngành, lĩnh vực công tác;

+ Thuyết phục, quy tụ, động viên tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ phó tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên, các tổ chức và các cá nhân tham gia xây dựng và phát triển nhà trường.

+ Năng lực quản lý: Kiến thức tổng hợp; Tầm nhìn chiến lược; Thiết kế và định hướng triển khai; Quyết đoán, có bản lĩnh đổi mới; Lập Kế hoạch hoạt động khoa học, phù hợp với thực tế; Tổ chức bộ máy và phát triển đội ngũ; Quản lý hoạt động dạy học; Quản lý tài chính và tài sản nhà trường; Phát triển môi trường giáo dục; Quản lý hành chính; Quản lý công tác thi đua, khen thưởng; Xây dựng hệ thống thông tin; Kiểm tra đánh giá dưới sự phân công cụ thể của Hiệu trưởng.

+ Kỹ năng: Kỹ năng quản lý lãnh đạo; Xử lý tình huống; Khả năng phân tích; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng phối hợp. [H2-2.1-01]

b) Cuối mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức đánh giá Hiệu trưởng và các phó Hiệu trưởng theo đúng quy trình quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018,

Công văn số 4529/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 01/10/2018 về hướng dẫn xếp loại hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Qua kết quả tổng hợp việc đánh giá hằng năm, đồng chí Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng luôn nhận được sự tín nhiệm cao của tập thể sư phạm nhà trường. Kết quả đánh giá Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng các năm đều được xếp loại viên chức Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ, xếp loại chuẩn Hiệu trưởng đều đạt mức Tốt. [H2-2.1-02]

c) Cán bộ quản lý nhà trường đã tham gia học lớp bồi dưỡng quản lý GD và được cấp chứng nhận lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý; tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ.

Các đồng chí cán bộ quản lý đều có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo điều 11 của Điều lệ trường Tiểu học. [H2-2.1-03]

Mức 2

a) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2022-2023, kết quả đánh giá xếp loại Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học đều đạt mức Tốt. [H2-2.1-02]

b) Cán bộ quản lý đã có bằng Trung cấp Lý luận chính trị; Chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và đảm bảo các tiêu chuẩn khác về đào tạo bồi dưỡng. [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]

Mức 3

Kết quả đánh giá xếp loại Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng theo quy định chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn Phó Hiệu trưởng từ năm học 2019 - 2020 đến nay đều đạt mức Tốt.

Kết quả đánh giá và tự đánh giá theo Chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:

T T	Họ và tên	Chức vụ	Kết quả đánh giá đạt chuẩn HT, PHT				
			2019- 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023- 2024
1	Đỗ Hồng Duy	Hiệu trưởng	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
2	Đoàn Thị Hà	P.Hiệu trưởng	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
3	Dương Thị Cúc	P.Hiệu trưởng	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt

Kết quả xếp loại viên chức: hàng năm, từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, đồng chí Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng đều được UBND huyện Nghĩa Hưng xếp loại Viên chức Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ theo Thông báo số 620/TB-UBND ngày 22/7/2022. [H2-2.1-02]

2. Điểm mạnh

Các đồng chí CBQL có số năm công tác đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học, có phẩm chất chính trị vững vàng, kiên định, có năng lực quản lý tốt, ham học hỏi, có tinh thần đoàn kết cao, sống giản dị, hòa đồng, biết lắng nghe, luôn gương mẫu đi đầu trong mọi hoạt động.

Hiệu trưởng là CBQL cơ sở GDPT cốt cán, các Phó Hiệu trưởng đều là cốt cán chuyên môn được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị, có sức khỏe tốt đảm nhiệm chức trách nhiệm vụ được giao, luôn nhiệt tình, sáng tạo và có trách nhiệm cao trong công việc, luôn đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân, luôn khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, được GV, NV, HS, CMHS và các cấp lãnh đạo tin tưởng.

3. Điểm yếu

Khả năng giao tiếp về ngoại ngữ của CBQL nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/phối hợp/giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục phát huy mặt mạnh: + Tham gia đầy đủ, hiệu quả các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao năng lực của bản thân. + Tìm hiểu, học hỏi trau dồi về năng lực quản lý. + BGH đoàn kết, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện. 	BGH	<ul style="list-style-type: none"> - Các lớp bồi dưỡng do cấp trên tổ chức. - Học hỏi kinh nghiệm bạn bè, đồng nghiệp, đọc sách, báo ... 	Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	
<ul style="list-style-type: none"> - Tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng và tự bồi dưỡng về ngoại ngữ. 	BGH	Các lớp bồi dưỡng do cấp trên tổ chức	Trong các năm học	2 triệu đồng/năm

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3 (nếu có):

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Đến năm học 2023-2024, nhà trường có 36 GV/ 28 lớp (31 biên chế, 05 hợp đồng), trong đó 28 GV văn hóa, 8 GV dạy các môn chuyên, có 28 lớp, tỉ lệ 1,28 GV/ lớp. Cụ thể:

Năm học	Tổng số	Cơ cấu, số lượng giáo viên						Trình độ đào tạo		
		Văn hóa	Âm nhạc	Mĩ thuật	Thể dục	Ngoại ngữ	Tin học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp
2019-2020	37	30	1	1	2	2	1	7	29	1
2020-2021	37	29	1	1	2	3	1	8	29	0
2021-2022	37	29	1	1	2	3	1	11	26	0
2022-2023	35	27	1	1	2	3	1	12	23	0
2023-2024	36	28	1	1	2	3	1	29	7	0

Tỷ lệ GV là $36/28 = 1,28$ giáo viên/lớp; Số lượng GV đảm bảo 100% số lớp được học 2 buổi/ngày. Các đồng chí GV đều có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng. Đồng chí Phạm Thị Đào được Hiệu trưởng bổ nhiệm làm Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 40/QĐ-THRD ngày 25 tháng 8 năm 2023, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về công tác Đội do Huyện Đoàn tổ chức. Các giáo viên dạy các môn Âm nhạc, GDTC, Mỹ thuật, Tin học, Tiếng Anh đều được đào tạo theo đúng chuyên ngành, có năng lực chuyên môn vững vàng, luôn năng động, sáng tạo trong mọi hoạt động của nhà trường. Năm học 2023-2024, 100% giáo viên tiếp tục tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ. [H2-2.2-03] [H2-2.2-01] [H1-1.3-04]

b) 100% giáo viên của nhà trường có bằng tốt nghiệp trình độ từ Cao đẳng Sư phạm đúng chuyên ngành trở lên. [H2-2.2-03]

c) Căn cứ hướng dẫn tại Quy định về đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, ban hành kèm theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT, cuối mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức tự đánh giá và đánh giá, xếp GV theo đúng quy trình. Kết quả hàng năm: Có 100% số GV được xếp từ mức Khá trở lên. [H2-2.2-03]

Cụ thể:

Năm học	Tổng số GV	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
2019-2020	37	23	62,1	14	37,9				
2020-2021	37	26	70,2	11	29,8				
2021-2022	37	21	56,7	16	43,3				
2022-2023	35	22	62,8	13	37,2				
2023-2024	32	20	62,5	12	37,5				

Mức 2

a) Từ năm học 2020-2021 đến nay, nhà trường có kế hoạch cho GV học nâng cao trình độ chuyên môn. Tỷ lệ GV đạt trình độ Đại học tăng dần theo các năm học. Năm học 2019-2020, trường có 7 đồng chí GV có trình độ Đại học, đạt

tỷ lệ 18,91%; đến cuối năm học 2022-2023, trường có 12 đồng chí GV đạt trình độ Đại học đạt tỷ lệ 34,28 %; năm học 2023-2024 trường có 29 đồng chí GV có trình độ Đại học Sư phạm, nâng tỷ lệ có trình độ đại học lên 80,55%. [H2-2.2-03]

b) Trong các năm học, từ năm 2019-2020 đến năm 2023-2024, kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt mức Khá trở lên đạt 100% tổng số GV toàn trường. [H2-2.2-03]

c) Trong các năm học, từ năm 2019-2020 đến năm 2023-2024 nhà trường không có GV nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.2-03]; [H2-2.2-04]

Mức 3

a) Năm học 2023-2024, đến thời điểm đánh giá ngoài, toàn trường có 29 GV đạt trình độ Đại học, có 7 GV trình độ Cao đẳng trong đó có 4 GV hợp đồng. Tỷ lệ GV đạt chuẩn trình độ đào tạo của nhà trường là 80,55% vượt quy định chuẩn là 15,55%. [H2-2.2-03]

Nhà trường xây dựng kế hoạch cử GV tham gia các lớp đào tạo đạt chuẩn, trên chuẩn đến năm 2030 đúng theo quy định.

b) Trong các năm, từ năm 2019-2020 đến năm 2023-2024, kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức khá trở lên là 100%. Trong đó có từ 56,70% đến 70,20% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức Tốt. [H2-2.2-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng cơ cấu GV để dạy các môn học bắt buộc theo quy định và các môn tự chọn của chương trình GDPT 2018, đây là điều kiện thuận lợi để nhà trường thực hiện việc dạy học 2 buổi/ ngày. GV được phân công giảng dạy đúng chuyên ngành được đào tạo.

Trường có 4 GV cơ sở GDPT cốt cán.

Tập thể GV nhà trường vững vàng về chuyên môn, nhiệt tình, tâm huyết, sáng tạo, có phẩm chất, đạo đức tốt, có tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái, có ý thức tự giác, nghiêm túc trong công việc, yêu nghề, mến trẻ, được các bạn đồng nghiệp đánh giá cao, CMHS và học sinh tin yêu.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ GV mới đạt 1,28 còn thiếu nhiều so với quy định 1,5 GV/lớp; GV dạy môn chuyên đã phủ kín các môn nhưng chưa đủ để phủ kín các lớp vì vậy hiệu quả công việc cũng như chất lượng giảng dạy chưa đạt kết quả cao.

Khả năng giao tiếp ngoại ngữ cũng như việc tiếp cận với các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin 4.0 của GV nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Đề xuất với Phòng GD&ĐT bổ sung thêm GV hàng năm	BGH	Tổng hợp và làm báo cáo đề xuất trong các năm	Trong các năm học	
Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và năng lực công nghệ thông tin cho GV	GV cốt cán ngoại ngữ, GV tin học	Tổng hợp nhu cầu bồi dưỡng; xây dựng các chuyên đề bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu; Hỗ trợ và giám sát kịp thời	Trong các năm học	Ngân sách 20 triệu và nguồn GV tự bố trí

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong các năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3 (nếu có):

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Từ năm 2019-2023 nhà trường có 2 nhân viên, trong đó: 1 nhân viên biên chế; 1 nhân viên hợp đồng. Từ tháng 01/2024, nhà trường có 2 nhân viên, trong đó: 2 nhân viên biên chế. Cụ thể:

Năm học	Tổng số	Cơ cấu, số lượng nhân viên							Trình độ đào tạo		
		Kế toán	Thủ quỹ	Văn thư	Thư viện, Thiết bị	Công nghệ thông tin	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Y tế học học đường	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp
2019-2020	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	1
2020-2021	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	1
2021-2022	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	1
2022-2023	2	1	0	0	0	0	0	1	1	0	1

Năm học	Tổng số	Cơ cấu, số lượng nhân viên							Trình độ đào tạo			
		Kế toán	Thủ quỹ	Văn thư	Thư viện và Quản trị công sở	Giáo vụ	Tư vấn học sinh	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	Y tế học học đường	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp
2023-2024	2	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	1

Nhân viên trong tổ VP được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ do các cấp tổ chức, được nhà trường tạo điều kiện bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ như tập huấn sử dụng phần mềm kế toán, phổ cập, chế độ tài chính,... [H2-2.3-01]

b) Nhân viên nhà trường được phân công nhiệm vụ như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được phân công
1	Nguyễn Ngọc Bằng	Nhân viên y tế	Phụ trách Y tế học đường + thủ quỹ, hỗ trợ giáo dục trẻ khuyết tật, văn thư.
2	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nhân viên Kế toán	Công tác kế toán, Thư viện và quản trị công sở, giáo vụ, văn thư.

Tổng phụ trách Đội Phạm Thị Đào kiêm nhiệm công tác tư vấn HS.

[H2-2.3-01]

c) NV nhà trường có năng lực, trình độ nghiệp vụ chuyên môn tốt, tích cực, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm với công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. [H2-2.3-01]

Mức 2

a) Cơ cấu nhân viên của nhà trường đảm bảo theo quy định của Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về hướng dẫn khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập. [H2-2.3-01]

b) Trong các năm học liên tiếp từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024 không có NV nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.3-01]

Mức 3

a) NV nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: NV kế toán có trình độ Cao đẳng chuyên ngành kế toán. NV Y tế có trình độ y sĩ đa khoa. Mỗi NV của tổ VP ngoài công tác chính còn kiêm nhiệm một số công tác khác. [H2-2.3-01]

b) NV trong tổ VP được tham gia các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ do cấp trên tổ chức, được nhà trường tạo điều kiện cho bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ như sử dụng phần mềm kế toán, phần mềm bảo hiểm, phần mềm phổ cập, chế độ tài chính,... Cụ thể, kết quả xếp loại đánh giá viên chức hàng năm như sau: [H2-2.3-01]

Năm học	Tổng số NV	Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành
2019-2020	2	0	2	0
2020-2021	2	0	2	0
2021-2022	2	0	2	0
2022-2023	2	0	2	0
2023-2024	2	0	1	1

2. Điểm mạnh

Nhà trường phân công nhiệm vụ cho NV theo khả năng, đảm bảo các vị trí việc làm đều có NV hoặc GV đảm nhiệm hoặc kiêm nhiệm.

NV được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định.

3. Điểm yếu

Thiếu nhân viên nên nhiều vị trí việc làm CM dùng chung, chuyên ngành phải bố trí GV, NV kiêm nhiệm dẫn tới áp lực làm việc quá tải, chất lượng chưa sâu, hồ sơ hành tự sắp xếp chưa khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Đề xuất UBND huyện, Phòng Nội vụ, Phòng GD&ĐT tuyển dụng nhân viên đủ theo vị trí đề án việc làm.	HT		8/2024 và các năm học tiếp theo	
Phân công công việc kiêm nhiệm cho NV/GV trên cơ sở động viên chia sẻ với khó khăn thiếu đội ngũ, phù hợp với hoàn cảnh, năng lực của từng người tạo điều kiện cho NV phát huy hết khả năng của bản thân.	HT		Các năm tiếp theo	
Tạo động lực làm việc, quan tâm động viên khuyến khích khen thưởng cho NV				500000 đồng
Làm tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho NV.	BGH, NV	Tự bồi dưỡng	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo.	Nguồn kinh phí do nhân viên tự bố trí.

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Xây dựng kế hoạch cử nhân viên đi học nâng cao trình độ và tạo điều kiện về thời gian, động viên để nhân viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, từ đó giúp nâng cao hiệu quả công việc được giao.	BGH	- Nhà trường xây dựng kế hoạch cử nhân viên đi học		Nguồn kinh phí do nhân viên tự bố trí.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3 (nếu có): Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) HS của nhà trường đảm bảo đúng quy định về độ tuổi tại Điều 33 Điều lệ trường Tiểu học. Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, tỉ lệ HS đi học đúng độ tuổi đạt từ 95,0% đến 97,1%. Hằng năm, nhà trường huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%. [H2-2.4-01]; [H2-2.4-02]

Tỉ lệ HS đi học đúng độ tuổi trong 5 năm qua như sau:

Năm học	Toàn trường		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2019-2020	783/824	95,0	142/152	93,4	196/202	97,0	160/164	97,5	137/151	90,7	146/155	94,1
2020-2021	822/858	95,8	202/210	96,1	136/143	95,1	197/201	98,0	152/156	97,4	135/148	91,2
2021-2022	871/897	97,1	195/199	97,9	194/201	96,5	133/141	94,3	197/201	98,0	152/155	98,0
2022-2023	877/912	96,1	171/177	96,6	187/193	96,8	195/203	96,0	134/143	93,7	190/196	96,9
2023-2024	868/900	96,4	211/216	97,6	163/168	97,0	177/183	96,7	188/196	95,9	129/137	94,1

b) 100% HS của trường thực hiện tốt nhiệm vụ của HS như: Tham gia đầy đủ và hiệu quả các hoạt động học tập; chấp hành nội quy nhà trường; đi học đều và đúng giờ; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập. Hiếu thảo với cha mẹ, ông bà; kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, NV và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè, người khuyết tật và người có hoàn cảnh khó khăn. Rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh cá nhân. Tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp; giữ gìn, bảo vệ tài sản nơi công cộng; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, địa phương. HS thực hiện tốt các quy định về các hành vi HS không được làm như: vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự; xâm phạm thân thể người khác; gian dối trong học tập, kiểm tra; gây rối an ninh, trật tự trong nhà trường và nơi công cộng. [H5-5.5-01]

c) HS được đảm bảo quyền được học tập, được xét lên lớp, xét hoàn thành chương trình tiểu học; được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng lực, phẩm chất; được chăm sóc và GD hoà nhập (đối với HS khuyết tật) theo quy định, được hỗ trợ chi phí học tập và được hưởng chính sách xã hội theo quy định. [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03]

Mức 2

Tất cả HS của nhà trường thường xuyên được quan tâm, giúp đỡ và GD về mọi mặt. HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được các thầy cô giáo kết hợp cùng gia đình phân tích, tư vấn, GD và có chuyển biến tích cực. [H3-3.3-02]

Mức 3

Các em HS của trường ngoan ngoãn, chấp hành tốt mọi quy định của trường lớp; tích cực học tập và rèn luyện; tham gia đầy đủ các hoạt động của trường. Học sinh nhà trường luôn có ý thức tránh những hành vi không được làm như vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, thân thể của người khác. Không có HS bị kỉ thi trong lớp, trong trường. HS nhà trường luôn trung thực trong học tập, không gây rối an ninh trật tự trong nhà trường và nơi công cộng. Nhiều HS tham gia các cuộc giao lưu, các cuộc thi trên mạng và đạt giải các cấp. Kết quả khen thưởng cuối năm các năm học từ năm 2019-2020 đến năm học 2023-2024 của HS các khối lớp đạt từ 40% đến 60%.

Thông kê kết quả thi học sinh năng khiếu các cấp hàng năm:

Cấp	Cuộc thi	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2324	Tổng
Cấp huyện	Chữ Viết Đúng và Đẹp	48	48	48	48	44	188
	Hùng biện Tiếng Anh	3	1	4	2	5	15
	Đấu trường Toán học			6	15		21
	TDTT	2	3		3	2	10
	IOE			2			2
	Trạng nguyên TV					44	44
Cấp tỉnh	SEAMO	3	51	97			151
	HKIMO	21	80				101
	SOBAN		1	1			2
	Hùng biện Tiếng Anh		1		1	1	3
	TDTT				1		1
	Toán Khoa bằng TA				1		1
	Chữ Viết Đúng và Đẹp				3	11	14
	Đấu trường Toán học			2	10		12
	IOE			2			2

Cấp	Cuộc thi	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2324	Tổng
	Trạng nguyên TV					13	13
Quốc gia	Giới thiệu Sách trực tuyến				3		3
	Đại sứ Văn hóa đọc			2			2
	TĐTT dành cho HS phổ thông toàn quốc	1					1

[H5-5.5-02]

2. Điểm mạnh

HS nhà trường có truyền thống hiếu học, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người HS, được đảm bảo đủ các quyền theo quy định. Tự tin trong hoạt động và giao tiếp. Nhiều HS có năng lực nổi trội, được phát hiện và bồi dưỡng kịp thời, được tham gia các cuộc giao lưu, các kì thi các cấp.

Hàng năm, trẻ em 6 tuổi vào học lớp 1 đều đạt 100%.

100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ HS đi học đúng độ tuổi chưa cao (do hàng năm còn có HS lưu ban, hiện có 11 HS khuyết tật đặc biệt có 1 HS 14 tuổi đang học lớp 5)

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (Chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên theo dõi HS yếu trong quá trình giảng dạy; xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng HS yếu.	GV		Trong các năm học	0
Kết hợp các tổ chức xã hội của Tổ dân phố nhắc nhở PH kèm con em học ở nhà.	BGH, GV, Tổ chức XH		Trong các năm học	0

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (Chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Xây dựng nội dung học tập cho HS học hoà nhập phù hợp.	GV		Trong các năm học	0

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 2

*** Điểm mạnh**

Hiệu trưởng là CBQL cơ sở GDPT cốt cán, tham gia Hội đồng thẩm định Chương trình môn học GGPT 2018. Các Phó hiệu trưởng là cốt cán chuyên môn của huyện. BGH có đủ năng lực để quản trị trường học, triển khai có hiệu quả Chương trình GDPT 2018.

Có 4 GV cơ sở GDPT cốt cán. 100% GV được đào tạo trình độ chuẩn, đáp ứng với yêu cầu đổi mới GD. Đội ngũ GV tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc.

Các NV đều có trình độ đào tạo từ trung cấp trở lên. Các chế độ, chính sách cho GV, NV được đảm bảo đầy đủ theo quy định.

Nhà trường đã đảm bảo đúng quy định về tuổi HS. HS của nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và không vi phạm quy định những hành vi HS không được làm.

HS của nhà trường luôn được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng được đảm bảo những điều kiện về thời gian, CSVC, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Những HS có năng khiếu, năng lực được tham gia các hoạt động GD nhằm phát triển năng khiếu, năng lực. HS khuyết tật được chăm sóc và GD hoà nhập theo quy định.

* Điểm yếu

Khả năng giao tiếp ngoại ngữ cũng như việc tiếp cận với các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin 4.0 của CB, GV, NV nhà trường còn hạn chế.

Thiếu nhiều nhân viên, nhân viên phải kiêm nhiệm nhiều vị trí việc làm nên ảnh hưởng không nhỏ tới việc thiết lập, lưu trữ hồ sơ.

Tỉ lệ HS đi học đúng độ tuổi chưa cao (do hàng năm còn có HS lưu ban, hiện có 11 HS khuyết tật đặc biệt có 1 HS 14 tuổi đang học lớp 5)

* Tự đánh giá

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất (CSVC) và trang thiết bị là yếu tố đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho quá trình dạy học, là điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng dạy học, nó cũng là phương tiện giúp nhà trường thực hiện thành công hoạt động giáo dục (GD) và dạy học.

Hệ thống CSVC của trường đầy đủ theo đúng quy định của trường Tiểu học đạt Chuẩn quốc gia, trường Chuẩn “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”, Chuẩn thư viện. Các biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng CSVC và trang thiết bị GD hiện có được sử dụng một cách có hiệu quả.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh; có hệ thống camera giám sát.

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho HS luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3 (nếu có):

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông là một ngôi trường nằm ngay ở trung tâm thị trấn với diện tích khá rộng có khu trung tâm đặt tại Tổ dân phố 4 – thị trấn Rạng Đông và 2 điểm trường: điểm trường Tổ dân phố Đông Bình đặt tại tổ dân phố Đông Bình – thị trấn Rạng Đông, điểm trường Tổ dân phố 9 đặt tại tổ dân phố 9 – thị trấn Rạng Đông. Nhà trường có tổng diện tích 14600m² (Khu trung tâm: 7600m², điểm trường Tổ dân phố 9: 4000m², điểm trường Tổ dân phố 1: 3000m²) bình quân 17,7m²/HS; có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CT 01544 ngày 09/5/2014. Thiết kế tổng thể các khu học tập, khu vui chơi hợp lý, đảm bảo thuận lợi cho các hoạt động của học sinh và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường. Khuôn viên nhà trường trồng nhiều cây ăn quả như xoài, mít, bưởi, hồng xiêm, khế, dứa... để HS được quan sát, thực hành và học tập. được trồng nhiều cây xanh, cây hoa, cây cảnh... trong đó chủ yếu là cây có bóng mát được sắp xếp hợp lý, vừa tạo bóng mát cho HS vui chơi, vừa tổ chức các hoạt động GD cho HS và tổ chức các tiết học ngoài không gian lớp học, đồng thời giáo dục các em tình yêu thiên nhiên, ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường. Trường thuộc vùng nông thôn có không khí trong lành, không gian yên tĩnh tạo môi trường giáo dục rất tốt cho GV và HS trong công tác dạy và học. Được Sở GDĐT cấp bằng công nhận trường tiểu học đạt Chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn theo Quyết định số 6269/GĐ/SGDĐT ngày 29/12/2016.

Trường có vườn thực nghiệm tổng diện tích 4290 m² (Khu trung tâm: 240 m², khu 1: 2750 m² khu 9: 1300 m²) được trồng nhiều loại cây thuốc nam và các loại rau, hoa. Vườn cây ăn quả với diện tích 610m² (Khu trung tâm: 400 m², khu 1: 100 m² khu 9: 110 m²) trồng các loại cây ăn quả như: ổi, khế, bưởi, hồng xiêm, xoài, mít, ... để HS được quan sát, thực hành và học tập.

Sân chơi với diện tích 4500 m² (Khu trung tâm: 3450 m², khu 1: 470 m² khu 9: 580 m²) được trồng nhiều cây bóng mát như: bàng, phượng, bằng lăng, osaka, dứa... và nhiều loại cây hoa và cây cảnh như: hoa hồng, hoa cúc, hoa giấy, ti gôn, tường vi, ... thường xuyên đơm hoa rực rỡ. Các cây bóng mát được sắp xếp hợp lý, tỏa bóng gần 100% diện tích sân trường, vừa tạo bóng mát cho HS vui chơi, vừa là nơi tổ chức các hoạt động GD cho HS và tổ chức các tiết học ngoài không gian lớp học, đồng thời giáo dục các em tình yêu thiên nhiên, ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường. [H3-3.1-01]

b) Nhà trường có cổng trường được xây kiên cố gồm một cổng chính và hai cổng phụ. Có biển tên trường làm bằng khung sắt bọc Alu màu xanh, dán chữ mê ca kính màu vàng theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 5 của Điều lệ

trường tiểu học, dòng trên cùng bên trái ghi cơ quan chủ quản: “UBND huyện Nghĩa Hưng” ở giữa là tên trường: “Trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông” (Rang Dong primery school), phía dưới ghi địa chỉ và số điện thoại của trường. Xung quanh trường được xây dựng tường bao, cao 2,0 m được quét vôi màu vàng, chiều dài 884 m (Khu trung tâm: 414 m², khu 1: 240 m² khu 9: 230 m²) kiên cố bảo đảm an toàn về tài sản và các hoạt động hàng ngày của nhà trường. Nhà trường đã lắp hệ thống Camera giám sát để bảo vệ an toàn ở khu vực cổng trường và phòng Tin, lớp 1,2,3 khu 1. [H3-3.1-01]

c) Có sân chơi diện tích 4500 m² (Khu trung tâm: 3450 m², khu 1: 470 m² khu 9: 580 m²) để học sinh vui chơi an toàn, thân thiện; sân tập thể dục thể thao riêng biệt với diện tích 1500 m² (Khu trung tâm: 600 m², khu 1: 450 m² khu 9: 450 m²), có đường chạy, có cầu môn bóng đá, có bàn bóng bàn, có 2 cột bóng rổ, 3 cặp thiết bị TDDT ngoài trời để cho HS tập luyện, vui chơi. [H3-3.1-01]

Mức 2

a) Sân chơi với diện tích 4500 m², sân tập thể dục thể thao với diện tích 1500 m² đảm bảo cho HS vui chơi, học tập an toàn, thân thiện. Tổng diện tích sân chơi bãi tập của nhà trường chiếm 45,10% diện tích toàn trường. [H3-3.1-01]

b) Sân chơi được đổ bê tông sạch sẽ, sân tập được trồng cỏ và xung quanh được trồng cây bóng mát đảm bảo bóng mát cho HS khi luyện tập, trên sân có bố trí các thiết bị Thể dục, thể thao, thiết bị vận động đảm bảo đáp ứng cho nhu cầu vui chơi và học tập của học sinh được thường xuyên và hiệu quả. [H3-3.1-01]

Mức 3

Nhà trường có sân chơi được đổ bê tông, lát gạch block được 2300 m² chống trơn trượt để học sinh vui chơi, đảm bảo thẩm mỹ, dễ tổ chức các hoạt động trên sân. Sân tập bằng phẳng, sạch sẽ, đảm bảo an toàn, có các bồn cây, thảm cỏ và có nhiều cây xanh tạo bóng mát, có nhiều chậu hoa, thảm cây để giảm diện tích bê tông. Các lối đi trong vườn ăn quả, vườn trường, vườn thực nghiệm cũng được xếp gạch, không những đảm bảo thẩm mỹ lại còn giúp học sinh dễ dàng đi lại tham quan, chăm sóc cây cối, từ đó thêm gần gũi và yêu thiên nhiên hơn. [H3-3.1-01]

2. Điểm mạnh

Thiết kế tổng thể các khu học tập, khu vui chơi hợp lý, đảm bảo thuận lợi cho các hoạt động của học sinh và cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Nhà trường có diện tích rộng, thoáng mát, sạch sẽ, mặt bằng xây dựng bình quân trên 1 HS vượt so với quy định mặt bằng xây dựng của trường khu vực nông thôn.

Khuôn viên trường được quy hoạch rất hợp lý, trồng nhiều cây bóng mát, cây ăn quả, cây hoa tạo nên không gian thoáng mát - xanh - sạch - đẹp - an toàn,

có công trường, biển tên trường, tường bao quanh, có hệ thống camera giám sát đảm bảo an toàn, thẩm mỹ cho con người và tài sản.

Diện tích sân chơi được lát gạch block đảm bảo an toàn, dễ tổ chức hoạt động và tính thẩm mỹ cao. Sân tập thể dục đảm bảo quy định, cây bóng mát, cây cảnh hợp lý, phân bố đều trên sân tạo không gian mát mẻ, không khí trong lành.

3. Điểm yếu

Thiết bị vận động ngoài trời còn hạn chế về số lượng so với số học sinh toàn trường.

Khu trung tâm còn 200m² sân chơi chưa lát gạch block.

Chưa có nhà đa năng để học sinh tập luyện và tổ chức các hoạt động khi thời tiết nắng, mưa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (Chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy việc trồng nhiều cây bóng mát, cây ăn quả, cây hoa tạo nên không gian thoáng mát - xanh – sạch - đẹp – an toàn	BGH, BĐD CMHS GV, HS	Kêu gọi vận động cá nhân, tập thể, các nhà hảo tâm ủng hộ kinh phí.	Trong năm học	
Trang bị một số thiết bị vận động ngoài trời (cầu môn bóng đá, cột, bảng bóng rổ ...) cho học sinh điểm trường tổ dân phố 9 vui chơi.	BGH, BĐD CMHS	Trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kêu gọi vận động cá nhân, tập thể, các nhà hảo tâm ủng hộ kinh phí.	Trong năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	30 triệu đồng
Tham mưu Chính quyền địa phương lát 200m ² sân chơi bằng gạch block.	HT	Lập tờ trình khảo sát	Năm học 2024-2025	100 triệu đồng

Tham mưu Đảng, Chính quyền địa phương sớm khởi công xây dựng nhà đa năng để nhà trường có thể tổ chức các hoạt động GD tập trung.	Lãnh đạo địa phương, các ban ngành, BGH, BDD CMHS	Trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kêu gọi vận động cá nhân, tập thể, các nhà hảo tâm ủng hộ kinh phí.	Trong năm học 2024-2025	7,5 tỷ đồng
---	---	--	-------------------------	-------------

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;
- b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập; bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;
- c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3 (nếu có):

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học và Ngoại ngữ

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có 28 phòng học, đủ mỗi lớp một phòng học riêng. Hệ thống phòng học được xây dựng kiên cố, an toàn. Các phòng học được xây dựng đúng quy cách, đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, âm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học. Phòng học được lắp Ti vi có kết nối Internet, có hộp bảo vệ chống va đập, được lắp thanh trượt dễ dàng cho việc di chuyển. Trong mỗi phòng học được xây dựng các góc để phục vụ việc học tập và các hoạt động GD như góc học tập, góc sinh nhật, góc cộng đồng, hòm thư cá nhân, góc sáng tạo,... các góc được bố trí hợp lí, tạo không gian thân thiện, tiện lợi, an toàn khi sử dụng. [H3-3.2-01]

b) Nhà trường có 455 bộ bàn ghế (Khu Trung tâm: 308 bộ, Điểm trường TDP9: 109 bộ, Điểm trường TDP Đông Bình: 38 bộ) đủ bàn ghế cho HS sử dụng đảm bảo theo sĩ số của từng lớp. Bàn ghế các phòng học được trang bị trong 2-3 năm học gần đây loại bàn 2 chỗ ngồi, ghế HS 1 chỗ ngồi, các góc cạnh của bàn ghế nhẵn đảm bảo thẩm mỹ, an toàn. Có bàn ghế phù hợp cho học sinh theo từng độ tuổi. Kích thước, màu sắc, kiểu dáng phù hợp với quy định.

Mỗi lớp học có bàn, ghế và tủ đựng cho GV; 100% bảng trong các lớp học là bảng từ sơn xanh chống loá. [H3-3.2-01]

c) Các phòng học đều được trang bị đầy đủ hệ thống đèn, hệ thống quạt. Bình quân mỗi phòng học lắp 6 bóng đèn; 4 quạt trần, một số lớp có quạt treo tường. Mỗi phòng học đều có: 01 ti vi thông minh kết nối Internet, 01 tủ đựng hồ sơ, 01 tủ thư viện, 01 tủ đựng thiết bị dạy học và các biểu bảng góc hỗ trợ học tập được sắp xếp đảm bảo khoa học, thẩm mỹ và tiện lợi khi sử dụng. [H3-3.2-01]

Mức 2

a) Các phòng học được xây dựng kiên cố với diện tích 48 m²/phòng đạt tiêu chuẩn theo quy định (1,37 m²/ HS). Mỗi phòng học có từ 5 đến 6 cửa sổ và 2 cửa chính. [H3-3.2-01]

b) Mỗi phòng học đều có tủ đựng thiết bị. Tủ lớp được thiết kế theo chiều rộng phòng học kích thước hợp lí, chất liệu nhựa Đài Loan cao cấp, màu sắc hấp dẫn. Các thiết bị dạy học được phân chia thành các góc học tập tương ứng với từng môn học. Các thiết bị dạy học được sắp xếp hợp lý, gọn gàng thuận tiện khi sử dụng. [H3-3.2-01]

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế HS theo quy định của Thông tư 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011. Bàn ghế có kích thước phù hợp, chất liệu nhẹ nhàng, thuận tiện, an toàn khi di chuyển. Màu sắc, kiểu dáng phù hợp với HS tiểu học. [H3-3.2-01]

Mức 3

Nhà trường có các phòng riêng biệt để dạy các môn như phòng Tin học, phòng Âm nhạc, phòng Mỹ thuật, phòng Tiếng Anh.

2. Điểm mạnh

Các phòng học được xây dựng đúng quy cách, đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho GV và HS theo quy định về vệ sinh trường học. 100% phòng học được lắp ti vi có kết nối Internet, có các góc hỗ trợ học tập. 100% tủ lớp được trang bị đồng bộ với kiểu dáng, kích thước phù hợp, màu sắc đẹp hấp dẫn, có nhiều công năng, được bố trí hợp lí, tạo không gian thân thiện, tiện lợi, an toàn khi sử dụng. Số lượng phòng học đạt tỉ lệ 1 phòng/lớp, đáp ứng đầy đủ cho HS học 2 buổi/ngày. Bàn ghế đúng quy cách.

Nhà trường có các phòng riêng biệt để dạy các môn như phòng Tin học, phòng Âm nhạc, phòng Mỹ thuật, phòng Tiếng Anh.

Thiết bị trong các phòng học được trang bị đầy đủ để phục vụ học tập và được tu sửa, bổ sung hàng năm.

3. Điểm yếu

Phương tiện hiện đại như máy chiếu, máy tính phục vụ cho hoạt động dạy và học trong các phòng học còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (Chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với các cấp có thẩm quyền bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học. Kêu gọi vận động cá nhân, tập thể, các nhà hảo tâm ủng hộ kinh phí.	UBND, BGH, BĐD CMHS	Trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kêu gọi vận động cá nhân, tập thể, các nhà hảo tâm ủng hộ kinh phí.	Các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học Tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3 (nếu có):

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1**

a) Nhà trường có đủ các phòng học Mỹ thuật, phòng học Âm nhạc, phòng học Tin học đều có diện tích 48 m², phòng học Tiếng Anh có diện tích 60 m², phòng Truyền thống và hoạt động Đội riêng biệt. Các thiết bị trong các phòng đều được sắp xếp, lắp đặt an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Phòng Mỹ thuật có bàn ghế, giá vẽ được thiết kế thuận tiện cho HS vẽ và trưng bày các sản phẩm. Phòng Tiếng Anh được trang bị Tivi màn hình lớn, khung tương tác thông minh giúp cho việc vận dụng công nghệ 4.0 vào việc giảng dạy rất thuận lợi. [H3-3.3-01]

b) Khối phòng hành chính quản trị gồm: phòng Hiệu trưởng có diện tích 30 m², phòng các Phó hiệu trưởng có diện tích 26 m², phòng Hội đồng là 96 m² phòng Bảo vệ 3 khu có diện tích 36 m², phòng Y tế là 26 m², đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường. Các phòng đều được trang bị bàn ghế, tủ, máy vi tính, máy in và các đồ dùng làm việc phù hợp. [H3-3.3-01]

c) Nhà trường có quy định rõ vị trí để xe của giáo viên và học sinh, đều có mái che và được bố trí ở vị trí thuận tiện, hợp lý. Nhà để xe của GV có diện tích 110 m² (khu trung tâm: 66 m²; Điểm trường Tô dân phố 9: 24 m²; Điểm trường Tô dân phố Đông Bình: 20 m²), nhà để xe cho HS có diện tích 335 m², đủ chỗ để sắp xếp xe cho GV, HS. Nhà để xe của GV và HS được tu sửa hàng năm, đảm bảo che nắng, che mưa và được bố trí địa điểm hợp lý, an toàn; xe được sắp xếp gọn gàng, trật tự.

Mức 2

a) Khôi phòng phục vụ học tập và khôi phòng hành chính - quản trị theo quy định:

Phòng họp Hội đồng có diện tích 96 m², phòng kho, phòng Truyền thống, phòng thiết bị giáo dục, mỗi phòng có diện tích 40 m²/phòng. Phòng Hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế học đường, phòng Kế toán, phòng truyền thống và hoạt động Đội, phòng bảo vệ, phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật (được tích hợp với phòng Y tế học đường) có diện tích từ 26 đến 40 m² được bố trí hợp lí tại khu vực trung tâm, thuận tiện cho học sinh được chăm sóc y tế, phòng hoạt động Đội là 30 m², phòng Bảo vệ 3 khu có tổng diện tích 36 m² đặt ngay bên cổng chính của các điểm trường, thuận tiện cho việc quan sát, đảm bảo an ninh nhà trường. [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02]

b) Nhà trường sử dụng kho và các tủ để lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung. Ngoài ra hồ sơ, tài liệu riêng của từng bộ phận như kế toán, quản lý, y tế, phổ cập, thư viện,... được bảo quản ở phòng riêng. [H3-3.3-02]

Mức 3

Nhà trường có 7 máy tính, 6 máy in phục vụ cho công tác quản lý hành chính và phục vụ cho công tác soạn giảng, tra cứu tài liệu, sử dụng phần mềm Vnedu, CSDL ngành. Phòng học ngoại ngữ có đầy đủ bàn ghế, hệ thống thiết bị nghe nhìn, máy chiếu cho GV và học sinh; Phòng Tin học có đầy đủ bàn ghế và 33 máy tính (khu TT: 17 máy, Điểm trường Tổ dân phố Đông Bình: 8 máy, Điểm trường Tổ dân phố 9: 8 máy). Phòng Âm nhạc có đàn và các nhạc cụ dạy học phù hợp, phòng Mĩ Thuật có hệ thống bàn ghế phù hợp và được sắp xếp gọn gàng. Đảm bảo về ánh sáng phục vụ cho học sinh học tập. Hệ thống điện trong các phòng được lắp đặt an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Tất cả máy tính các phòng đều được kết nối Internet để phục vụ cho việc dạy - học, làm việc của CB-GV-NV và của học sinh.

Phòng Y tế học đường của nhà trường có diện tích 26 m², có các trang thiết bị như: tủ thuốc, giường bệnh, cân đo chiều cao, đo thân nhiệt điện tử, dụng cụ sơ cứu,...

Tủ thuốc được kiểm tra thường xuyên, đảm bảo số thuốc, hạn sử dụng của thuốc theo quy định của quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế học đường của các trường tiểu học.

Thư viện nhà trường có diện tích 96 m², tổ chức hoạt động theo mô hình Room to Read thân thiện với học sinh được phân chia theo bảng màu giúp HS lựa chọn sách một cách dễ dàng, có các đầu sách phục vụ học tập, tham khảo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, sách giáo khoa để hỗ trợ học sinh khó khăn, có máy tính kết nối internet, có Tivi để phục vụ hoạt động của thư viện.

Khôi phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị giúp HS được thực hành luyện tập, được bồi dưỡng năng khiếu, được chăm sóc sức khỏe, được đọc sách, truyện, tìm kiếm tài liệu phục vụ cho việc học tập và giải trí.

[H3-3.3-01]; [H3-3.3-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng phục vụ học tập, phòng hành chính theo quy định của Điều lệ trường tiểu học hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Khối phòng hành chính xây dựng mới đưa vào sử dụng có diện tích đảm bảo. Phòng Y tế có đủ trang thiết bị y tế tối thiểu và các loại thuốc thiết yếu đảm bảo tốt cho công tác chăm sóc sức khỏe và sơ cấp cứu ban đầu cho cán bộ quản lý, giáo viên, công nhân viên và học sinh trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Phòng Tin học cho khu 1 diện tích hơi nhỏ; Chưa có phòng học Tiếng Anh khu 1, khu 9

Chưa có nhà đa năng để học sinh tập luyện và tổ chức các hoạt động khi thời tiết nắng, mưa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (Chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu Đảng, chính quyền địa phương hoàn thiện xây dựng giai đoạn 2 khu hiệu bộ và các phòng hỗ trợ học tập	HT		Năm học 2024-2025	3.tỷ đồng

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có khu vệ sinh xây dựng đúng quy cách, riêng biệt cho GV và HS. Khu vệ sinh dành cho GV rộng 76 m², được chia thành 2 khu riêng cho nam và nữ. Khu vệ sinh dành cho HS có diện tích là 120 m² được chia thành 2 khu riêng cho nam và nữ với các thiết bị hiện đại đảm bảo an toàn, tiện lợi khi sử dụng và thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập. Khu vệ sinh của GV và HS đều là khu vệ sinh tự hoại đảm bảo an toàn, hàng ngày được quét dọn, vệ sinh sạch sẽ không bốc mùi gây ô nhiễm môi trường, không ảnh hưởng đến sức khỏe. [H3-3.4-01]

b) Hệ thống thoát nước của nhà trường được thiết kế khoa học, các rãnh nước có nắp đậy, không có tình trạng ứ đọng nước khi trời mưa, đảm bảo tốt công tác vệ sinh môi trường.

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch hợp vệ sinh (07 nước giếng khoan) và nước máy (3 công tơ cung cấp). Nhà trường kí hợp đồng bảo dưỡng hệ thống lọc nước với Công ty TNHH Ngôi Nhà xanh Huy Phát. Nước máy được lọc qua hệ thống máy lọc tinh khiết R.O thương hiệu SKY T&D đảm bảo an toàn. Nước uống được kiểm định tại Viện Hóa học - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam với kết quả phân tích mẫu nước đạt tiêu chuẩn nước uống đóng chai theo QCVN 6-1:2010/BYT của Bộ Y tế. Nước được chứa trong các téc inox có nắp đậy, được đánh rửa thường xuyên, sau đó được đưa đến các phòng học bằng các bình lọc có nắp đậy, hợp vệ sinh. Các lớp học điểm trường Tổ dân phố Đông Bình, Tổ dân phố 9 có đầy đủ cây nước nóng lạnh phục vụ HS. [H3-3.4-01]

c) Nhà trường kí hợp đồng với Tổ thu gom rác thải địa phương chở đi xử lý hàng ngày. Tại các điểm trường bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để đựng rác. Rác được phân thành hai loại hữu cơ và vô cơ trước khi được thu gom đến xử lý tập trung. [H3-3.2-01]; [H3-3.4-01]

Mức 2

a) Khu vệ sinh được xây dựng phù hợp với cảnh quan nhà trường với diện tích và các thiết bị theo quy định của nhà vệ sinh đạt chuẩn. [H3-3.4-01]

b) Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Rác được thu gom hằng ngày và được phân loại, những rác thải có thể xử lý thì xử lý tại chỗ, những rác thải không xử lý được tại chỗ thì nhân viên chở rác vận chuyển tới nơi xử lý tập trung. Không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường. [H3-3.4-01]

2. Điểm mạnh

Có công trình vệ sinh cho CB, GV, NV và HS riêng, có nhà vệ sinh riêng cho nam và nữ. Công trình vệ sinh được quy hoạch ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường, thuận tiện, an toàn, sạch sẽ.

Nhà trường hợp đồng với Tổ thu gom rác thải địa phương vận chuyển rác đi xử lý hàng ngày, không có tình trạng rác thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường.

Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp, có hệ thống thoát nước riêng cho khu vệ sinh.

Sử dụng 100% nguồn nước sạch cho sinh hoạt và nguồn nước hợp vệ sinh cho khu vệ sinh.

3. Điểm yếu

Chưa trang bị đủ cho mỗi lớp học 1 cây nước nóng lạnh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (Chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Nâng cấp, bổ sung, thay thế thường xuyên, kịp thời thiết bị nhà vệ sinh.	BGH, CMHS	- Từ ngân sách nhà trường; khoản tiền dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	Trong năm học	22 triệu đồng/năm học
- Bổ sung cây nước nóng lạnh ở các lớp khu trung tâm.	BGH, CMHS	- Từ ngân sách nhà trường; - Vận động các nhà hảo tâm	Trong năm học 2024-2025	100 triệu đồng

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-----	
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3 (nếu có):

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có các thiết bị văn phòng và các thiết bị khác như: Bàn quây phòng họp hội đồng, bàn ghế làm việc trong các phòng hành chính - quản trị; tủ đựng tài liệu, đồ dùng học tập; 40 máy tính; 6 máy in; 2 máy chiếu. Hệ thống loa đài cố định: 03; bộ loa di động: 01; 13 cây nước nóng lạnh phục vụ cho HS và GV; 32 ti vi phục vụ cho hoạt động dạy và học. Các thiết bị đều hoạt động tốt, phục vụ các hoạt động của nhà trường. [H3-3.5-01]

b) Nhà trường có 28 bộ đồ dùng dạy học được cấp phát từ năm 2002 (sau khi triển khai thực hiện CT GDPT 2000); có 6 bộ đồ dùng lớp 1 được cấp từ năm 2020; có 6 bộ đồ dùng lớp 4 được cấp từ năm 2023. Ngoài ra, nhà trường còn có một số đồ dùng, thiết bị dạy học chung cho môn GDTC, Âm nhạc, Tin học, Hoạt động tập thể. Tuy nhiên, đến nay nhiều đồ dùng dạy học được cấp

phát từ lâu (cấp năm 2002: cách đây 22 năm) đã hỏng và không còn phù hợp. [H3-3.5-01]

c) Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức kiểm kê toàn bộ đồ dùng dạy học của các lớp. Đánh giá việc sử dụng và bảo quản của GV. Tiến hành thanh lý các thiết bị, đồ dùng hỏng và xây dựng kế hoạch bổ sung đồ dùng dạy học cho năm học tới. Đầu tháng 8 hằng năm nhà trường tổ chức bàn giao và phát động tu sửa, cải tiến, làm bổ sung đồ dùng chuẩn bị cho năm học mới. [H3-3.5-01]

Mức 2

a) 100% máy tính, ti vi của nhà trường đều được kết nối Internet tốc độ cao, đường truyền ổn định phục vụ hoạt động quản lý, hoạt động dạy học của nhà trường (trong đó có 7 máy tính phục vụ hoạt động quản lý và 33 máy tính phục vụ dạy học, 32 ti vi phục vụ cho hoạt động dạy và học). [H3-3.3-01]

b) Trường có đủ thiết bị dạy học từng môn, có thiết bị dạy học dùng chung theo quy định của thông tư 15/2009/TT- BGDĐT, thông tư 37/2021/TT-BGDĐT. [H3-3.5-01]

c) Hàng năm, nhà trường thực hiện bàn giao, kiểm kê cơ sở vật chất, thiết bị dạy học vào đầu và cuối năm học; trên cơ sở đó dành kinh phí mua sắm, bổ sung thêm thiết bị dạy học và phát động giáo viên tự làm đồ dùng dạy học. [H3-3.3-01]

Mức 3

Nhà trường đã trang bị ti vi 65 inches có gắn khung tương tác với chức năng như bảng tương tác tại Phòng học Ngoại ngữ, Phòng Đa chức năng phục vụ công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào công tác dạy học. Thiết bị dạy học được cấp, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Nhà trường chỉ đạo cho các tổ khối trong mỗi buổi sinh hoạt chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng danh mục đồ dùng dạy học, thảo luận cách sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả trong tuần. Nhà trường đã tiến hành kiểm tra đồ dùng dạy học ngay từ đầu năm, kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học của GV nghiêm túc bằng các hình thức như: dự giờ thăm lớp, kiểm tra đột xuất, kiểm tra hồ sơ, sổ sách, triển lãm đồ dùng tự làm,... [H3-3.5-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ trang, thiết bị phục vụ công tác dạy - học theo danh mục đồ dùng của Bộ GD&ĐT quy định, có các thiết bị dạy học hiện đại như khung tương tác (chức năng như bảng tương tác) 65 inches, máy tính, ti vi, đàn Ooc – gan, có các thiết bị hỗ trợ các hoạt động tập thể như loa, đài, âm li,.. Các đồ dùng, thiết bị dạy học của nhà trường đáp ứng tốt các hoạt động GD trong trường theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Ngoài hệ thống đồ dùng, thiết bị dạy học ở từng lớp, nhà trường còn trang bị đồ dùng tại các phòng chức năng để phục vụ cho hoạt động dạy – học đạt hiệu quả cao.

Nhà trường đã đưa ra những biện pháp thúc đẩy GV tích cực sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học trong các giờ lên lớp. Luôn khuyến khích GV tự làm đồ dùng và sử dụng đồ dùng hiệu quả.

Nhà trường đã thường xuyên kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng dạy học, thiết bị hàng năm.

100% máy tính, ti vi của nhà trường được kết nối Internet tốc độ cao, đường truyền ổn định.

3. Điểm yếu

Nhiều đồ dùng, thiết bị giảng dạy được cấp để thực hiện chương trình 2006 bị hư hỏng và một số không còn phù hợp.

Thiết bị dạy học tự làm của giáo viên chưa đa dạng, độ bền chưa được cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (Chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tập huấn kĩ năng sử dụng khung tương tác cho GV để phát huy tối đa công năng ứng dụng vào hoạt động dạy học hàng ngày	Đội ngũ GV cốt cán	Bổ sung thêm một số phần mềm hỗ trợ dùng chung, máy tính của GV được nâng cấp phần mềm	Từ học kì 2 năm học 2023-2034	10 triệu đồng
Khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học và tích cực sử dụng đồ dùng trong quá trình dạy học	BGH	Không	Trong các năm học	0
Tham mưu với các cấp có thẩm quyền, địa phương hỗ trợ kinh phí để mua sắm thêm một số đồ dùng cần thiết cho lớp 2,3 và các lớp khác.	HT, GV	Lập tờ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt từ nguồn ngân sách bổ sung hàng năm.	Tháng 8 hằng năm	100 triệu đồng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (Chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tập huấn kỹ năng sử dụng khung tương tác cho GV để phát huy tối đa công năng ứng dụng vào hoạt động dạy học hàng ngày	Đội ngũ GV cốt cán	Bổ sung thêm một số phần mềm hỗ trợ dùng chung, máy tính của GV được nâng cấp phần mềm	Từ học kì 2 năm học 2023-2034	10 triệu đồng
Vận động CMHS, cá nhân, tập thể, các nhà hảo tâm ủng hộ kinh phí.	Ban vận động tài trợ	Xây dựng kế hoạch vận động tài trợ	Tháng 8 hằng năm	70 triệu đồng

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Thư viện của nhà trường có diện tích 96 m². Phòng thư viện được bố trí tại tầng 1, gần khối phòng học, thuận lợi cho việc tiếp cận và sử dụng của mọi đối tượng học sinh. Thư viện có ghế ngồi đọc sách và có đặt tủ sách phục vụ nhu cầu đọc của GV-HS.

Thư viện trường đã được cấp bằng Thư viện đạt chuẩn Mức 2 do Phòng GDĐT Nghĩa Hưng cấp, theo Quyết định số 53/QĐ-PGDĐT ngày 13/06/2024. Thư viện có diện tích 96 m² với tổng số sách tại thư viện là 13.980 cuốn được phân theo các mã màu:

Mã màu	Số cuốn	Số tựa	Số tiền
Xanh lá	444	51	586.800
Đỏ	564	127	8.00.700
Cam	1801	225	12.594.500
Trắng	1879	398	18.439.000
Xanh dương	1278	124	9.990.000
Vàng	827	359	70.433.396
Tra cứu	165	120	6.277.200
Góc trò chơi	38	39	1.298.500
SGK HS	5421	529	68.933.472
Sách TK GV	1232	644	29.132.100
Sách báo khác	1051	842	736.400
Tổng	13.980	3458	226.422.468

Thư viện đã có nội quy cụ thể, rõ ràng. Sách được phân loại và sắp xếp vào các tủ hoặc giá sách, rất thuận lợi khi tìm kiếm và sử dụng. [H3-3.6-01]

b) Thư viện nhà trường thực hiện theo mô hình Room to Read từ năm học 2019-2020. Thư viện có đầy đủ các sổ sách ghi chép, theo dõi như: Sổ mượn trả của GV, HS; kế hoạch hoạt động phòng thư viện, nhật kí..., có bảng phân loại mã màu giúp việc tra cứu dễ dàng.

Hàng tuần thư viện mở cửa từ thứ 2 đến thứ 6 phục vụ cho CBGVNV, CMHS và HS. Có lịch đọc cụ thể cho từng khối lớp theo các buổi khác nhau. Có đủ sổ sách theo quy định đối với thư viện trường. Sổ theo dõi mượn, trả sách của GV và HS. Sổ nhật kí theo dõi các hoạt động của thư viện và kế hoạch công tác

của thư viện. Tủ sách lớp được phân loại và sắp xếp hợp lí, có nội quy, kế hoạch sử dụng, bảo quản do ban thư viện lớp thực hiện. Sách trong các lớp hàng kì được đảo và luân chuyển trong khối và toàn trường.

Các trang thiết bị phục vụ cho việc quản lý, bảo quản tài liệu thư viện, việc đọc sách tại chỗ của GV-NV và HS trong thư viện luôn được quan tâm đầu tư. Đặc biệt, các thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động GD luôn được cập nhật đầy đủ để phục vụ hiệu quả các hoạt động GD của GV, NV và HS. [H3-3.6-01]

c) Năm 2023-2024, thư viện được bổ sung nhiều biểu bảng, tủ sách, bổ sung nhiều loại sách báo và tài liệu tham khảo. Huy động các nhà hảo tâm tặng các đầu sách bổ sung thêm vào thư viện. [H3-3.6-01]

Mức 2

Thư viện nhà trường được công nhận thư viện trường tiểu học đạt chuẩn mức độ 2. [H3-3.6-01]

Mức 3

Thư viện được trang bị máy tính, tivi kết nối internet, máy chiếu để quản lý sách, thực hiện các tiết học tại thư viện, phục vụ việc tìm kiếm tài liệu. [H3-3.6-01]

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường có đủ các loại tủ đựng sách và giá sách đa dạng loại hình, kiểu dáng thu hút HS vào đọc sách.

Thư viện được xây dựng mới có diện tích rộng, bàn ghế ngồi đọc sách được thiết kế phù hợp với học sinh, các loại sách báo đa dạng, phong phú được cập nhật thường xuyên. Hằng năm, thư viện được đầu tư kinh phí bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo phục vụ kịp thời công tác dạy và học.

Trang thiết bị trong thư viện đảm bảo đầy đủ theo yêu cầu của thư viện đạt chuẩn.

3. Điểm yếu

NV phụ trách thư viện kiêm nhiệm, nghiệp vụ thư viện còn hạn chế nên việc sắp xếp, tổ chức các hoạt động liên quan đến sách chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (Chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Xây dựng mạng lưới cộng tác viên	GV, CMHS, HS		Trong các năm học	
Thường xuyên cập nhật sách, báo, tài liệu tham khảo mới; bổ sung sách, tài liệu tham khảo mất, hỏng.	NV thư viện	Nguồn ngân sách	Trong các năm học	5triệu đồng/ năm học

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (Chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Huy động, bổ sung thêm sách báo cho thư viện theo quy định thư viện chuẩn.	Hiệu trưởng, nhân viên thư viện	Nguồn XHH	Trong các năm học tới	10triệu đồng/ năm học
Nâng cao nghiệp vụ cho nhân viên thư viện bằng cách cử đi tham gia các lớp tập huấn của PGD, SGD, tự học, tự bồi dưỡng...	Nhân viên thư viện		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 3

* Điểm mạnh

Khuôn viên của nhà trường được quy hoạch hợp lý. Có công trường, biển trường và tường bao quanh theo đúng quy định tại Điều lệ trường tiểu học, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ. Sân chơi khu trung tâm được lát gạch block. Diện tích sân chơi, sân tập thể dục đều đảm bảo về định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình trường tiểu học (được quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Nhà trường mới xây dựng khối phòng hành chính, phòng đa chức năng rộng rãi. Có đủ số lượng phòng học theo quy định. Chất lượng và thiết bị của phòng học đảm bảo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Nhà trường có đủ phòng phục vụ học tập, phòng hành chính theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Trang bị thiết bị hiện đại như khung tương tác, ti vi thông minh, máy chiếu,... phục vụ yêu cầu chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin vào

hoạt động dạy học, quản lý nhà trường. Có đầy đủ các loại máy văn phòng (máy tính, máy in) phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, máy tính kết nối Internet phục vụ các hoạt động giáo dục.

Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho CBGVNV và HS, sử dụng riêng cho nam, nữ. Công trình vệ sinh rộng rãi, được quy hoạch ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, thuận lợi, an toàn, sạch sẽ.

Có nhà để xe cho CBGVNV và HS, đảm bảo an toàn, thuận tiện.

Có nguồn nước máy, nước sạch hợp vệ sinh đáp ứng nhu cầu sử dụng của CBGVNV và HS; hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

Hoạt động của thư viện của nhà trường đã đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của CBGVNV và HS.

* Điểm yếu

Nguồn kinh phí của nhà trường hạn chế nên việc bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học còn ở mức độ.

* Tự đánh giá

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.1		x	x	Không đạt
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	-----
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chuẩn 4. Quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội

Mở đầu

Gia đình, cộng đồng, xã hội là các lực lượng cùng với Nhà trường giáo dục HS. Nhà trường đã phối hợp với Ban đại diện CMHS trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và tổ chức các hoạt động GD HS, giúp cho việc thực hiện các nhiệm vụ năm học diễn ra đúng tiến độ, hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. CMHS cùng với nhà trường tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để huy động các nguồn lực phục vụ các hoạt động GD của nhà trường.

Trong những năm qua, nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ, đồng bộ của Đảng và Chính quyền địa phương, sự phối hợp giữa Nhà trường và Ban đại diện CMHS, chất lượng GD HS đã đạt hiệu quả tốt. Đồng thời đã huy động được nguồn lực lớn về tinh thần, vật chất, góp phần xây dựng thành công trường Tiểu học thị trấn

Rạng Đông đạt trường Chuẩn quốc gia mức độ 2 (năm 2016), trường Chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn (năm 2016), Kiểm định chất lượng cấp độ 3 (năm 2018).

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ BDD CMHS;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

BDD CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

BDD CMHS phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ BDD CMHS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Mỗi năm học, nhà trường kết hợp với CMHS thành lập Ban đại diện CMHS của các lớp và của nhà trường theo Điều 44 - Điều lệ trường tiểu học. Ban đại diện CMHS lập Kế hoạch hoạt động theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Mỗi lớp học của nhà trường có một ban đại diện CMHS gồm 3 thành viên, trong đó có 1 trưởng ban, 2 phó ban; Ban đại diện CMHS của các lớp do CMHS các lớp bầu ra trong hội nghị CMHS đầu năm học. Ban đại diện CMHS nhà trường gồm các thành viên là trưởng ban đại diện CMHS của các lớp; Ban đại diện CMHS nhà trường bầu ra Ban Thường trực gồm 5 thành viên: 01 trưởng ban, 01 phó ban, 3 uỷ viên. Ban đại diện CMHS của trường phối hợp chặt chẽ với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện CMHS với nhà trường; kết hợp với hiệu trưởng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về GD đối với CMHS để nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, GDHS. [H4-4.1-01]

b) Ban đại diện CMHS có kế hoạch hoạt động theo từng năm học, có báo cáo tổng kết vào cuối mỗi năm học. Trong kế hoạch đã nêu rõ mục tiêu phấn đấu, những nội dung cần thực hiện trong năm học như: phối hợp với nhà trường quan tâm đến hoạt động dạy và học, giáo dục năng lực, phẩm chất HS, thực hiện tốt việc quản lý GD con em tại gia đình, khuyến khích và ủng hộ các phong trào của nhà trường, quan tâm chăm lo, động viên CB, GV và HS; nêu rõ các giải pháp thực hiện, các kết quả đạt được và có điều chỉnh, bổ sung. Mỗi năm, trường tổ chức họp CMHS lớp 1 lần vào đầu năm học. Ban đại diện CMHS cấp trường sinh hoạt định kì 2 lần/năm học và họp đột xuất khi cần thiết. Trong các

cuộc họp, nhà trường tiếp thu ý kiến về công tác quản lý, các biện pháp GD HS, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ HS, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện CMHS được thực hiện tốt. [H4-4.1-02]

c) Trong các năm học, vào đầu năm học ban đại diện CMHS của nhà trường đã họp để rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, đồng thời có điều chỉnh bổ sung kế hoạch để phù hợp với tình hình hình thực tế. Vì vậy trong các năm học ban đại diện CMHS luôn hoàn thành các nhiệm vụ trong kế hoạch đã đề ra, được toàn thể CMHS của toàn trường đồng thuận, ủng hộ và tín nhiệm. [H4-4.1-02]

Mức 2

Ban đại diện CMHS phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD. Ban đại diện CMHS cùng với nhà trường vận động các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

Năm học	Kinh phí bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và khen thưởng học sinh
2017-2018	Mua sắm 152 ghế 1 chỗ ngồi cho HS, tiếp tục xây dựng vườn trường, cải tạo sân trường, làm vườn thực nghiệm, nâng cấp hệ thống điện, mua chậu cây cảnh, làm khẩu hiệu tuyên truyền các điểm trường với số tiền 206.115.000 đồng.
2019- 2020	Sửa chữa phòng học, tặng ghế đá để phụ huynh đi đón con có chỗ ngồi, PH tặng thùng đựng rác cho các lớp.
2020- 2021	Hỗ trợ kinh phí đi lại, lệ phí cuộc thi quốc gia Toán Tiếng Anh HKIMO, SEAMO, thưởng cho HS có thành tích cao trong học tập, HS nghèo vượt khó.
2021- 2022	Hỗ trợ khen thưởng cho HS đạt thành tích cao 17 278 000 đồng.
2022- 2023	Hỗ trợ khen thưởng cho HS đạt thành tích cao 13 394 000 đồng.

Phụ huynh phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động GD như: các cuộc giao lưu, trải nghiệm, làm đồ dùng dạy học, trang trí không gian lớp, vệ sinh trường lớp... Đặc biệt, ban đại diện CMHS đã phối hợp chặt chẽ với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm trong việc GD đạo đức, việc học tập của học sinh, cung cấp cho học sinh những kiến thức thực tế, truyền thống của địa phương; những kỹ năng sống cơ bản, thiết thực, gần gũi với thực tế cuộc sống của HS. [H4-4.1-02]

Trong các cuộc họp CMHS, nhà trường đã tổ chức tuyên truyền những kiến thức về pháp luật, chủ trương chính sách đối với giáo dục như: giúp CMHS

biết được quyền của trẻ em, quyền lợi của bảo hiểm y tế, quyền của CMHS được quy định tại Điều 96 của Luật Giáo dục; những điểm mới của ngành giáo dục như: chương trình giáo dục phổ thông 2018, ở tiểu học đã thực hiện ở lớp 1, 2, 3, 4 và năm học 2024-2025 sẽ thực hiện ở lớp 5. Hướng dẫn CMHS thực hiện một số biện pháp giáo dục học sinh, phương pháp dạy học con em khi ở nhà, việc phối hợp với nhà trường để đảm bảo an toàn cho học sinh, phòng chống đuối nước, thực hiện an toàn khi tham gia giao thông, thực hiện phong trào “Công trường an toàn giao thông”,...

Ban đại diện CMHS đã phối hợp với nhà trường trong việc vận động trẻ khuyết tật đến trường học hòa nhập, vận động HS đi học đúng độ tuổi. [H4-4.1-02]

Mức 3

Ban đại diện CMHS đã phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về GD đối với CMHS nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục HS; hướng dẫn về công tác tổ chức và hoạt động cho các Ban đại diện CMHS lớp. Vì vậy, nhà trường đã hoàn thành các nhiệm vụ năm học; HS được chăm sóc, GD và bồi dưỡng để phát triển năng lực, phẩm chất. Ban đại diện CMHS các lớp hoạt động đạt hiệu quả. [H4-4.1-02]

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS của nhà trường có cơ cấu, tổ chức, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo đúng điều lệ Ban đại diện CMHS.

Nhà trường đã phối kết hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động.

Ban đại diện CMHS luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, đẩy mạnh các hoạt động, góp phần đáng kể vào phong trào chung của nhà trường. Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền để CMHS hiểu và đồng thuận trong việc thống nhất phương pháp giáo dục, cách đánh giá HS.

3. Điểm yếu

Một số CMHS đi làm công ty, thường xuyên tăng ca; một số phụ huynh đi làm ăn xa để con cho ông bà,... chính vì thế việc giáo viên gặp gỡ phụ huynh trao đổi kế hoạch hoạt động của lớp, của trường chưa thuận lợi nên việc kết hợp GD giữa CMHS với GV chủ nhiệm còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (<i>chủ trì/ phối hợp/ giám sát</i>)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Ghi chú
Có KH để tuyên truyền CMHS nắm bắt được kế hoạch hoạt động của lớp,	BGH, GVCN, BDD CMHS	- Bố trí sắp xếp thời gian hợp lý	Thường xuyên trong các	

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (<i>chủ trì/ phối hợp/ giám sát</i>)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Ghi chú
của trường.		-Các phương tiện truyền thông phù hợp	năm học	
Thông báo kế hoạch của lớp, của trường tới CMHS vắng bằng hình thức khác: gặp trực tiếp sau cuộc họp, điện thoại trao đổi, qua nhóm Zalo lớp, qua phát phiếu lấy ý kiến...	GVCN, BĐĐ CMHS	CMHS có ĐT thông minh, có kết nối Internet	Hàng năm	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường chủ động báo cáo với Cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương về kế hoạch năm học, các nhiệm vụ trọng tâm trong năm học, các biện pháp cụ thể để tổ chức các hoạt động, huy động học sinh ra lớp, công tác phổ cập GD, biện pháp tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng GD, phối kết hợp với CMHS,... để phát triển nhà trường. [H4-4.2-01]

b) Qua các cuộc họp CMHS, họp Đảng ủy mở rộng, họp HĐND thị trấn, nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành GD về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường như: quyền lợi và trách nhiệm của việc tham gia BHYT, những điểm mới của ngành GD, về kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường... để nhân dân địa phương, các tổ chức cá nhân nâng cao trách nhiệm của mình trong việc phát triển toàn diện nhà trường. [H4-4.2-02]

c) Vào đầu năm học, nhà trường đã báo cáo với Cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương về phương hướng nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Để đảm bảo CSVC theo quy định, đối chiếu với hiện trạng CSVC của trường đề nghị UBND thị trấn xem xét đầu tư CSVC cho nhà trường. Đảng ủy, Chính quyền địa phương và Nhà trường cùng với CMHS và các ban ngành đoàn thể đề kêu gọi các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm quan tâm, hỗ trợ phong trào GD của địa phương. Nhà trường đã được UBND thị trấn Rạng Đông, UBND huyện và Phòng GD&ĐT Nghĩa Hưng đầu tư kinh phí để sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, như: quét vôi các phòng học, sửa chữa lớp học, mua sắm bàn ghế, xây mới khu hiệu bộ với tổng diện tích 350 m² được lợp tôn chống nóng.

Từ năm học 2019-2020 đến thời điểm hiện tại tại nhà trường đã huy động được khoảng 5230 lượt phụ huynh tham gia đóng góp ngày công vào các hoạt động của nhà trường như: lao động vệ sinh, làm cỏ, quét vôi, trồng cây, luyện tập thể thao cho HS,... Số ngày công quy ra tiền khoảng 100.046.000 đồng. [H4-4.2-02]

Mức 2

Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, Phòng GD&ĐT để các cấp có kế hoạch phối hợp với các đoàn thể, CMHS và

nhà trường huy động các nguồn lực, tạo điều kiện để từng bước thực hiện chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

a) Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đề Đảng ủy, UBND thị trấn có kế hoạch phối hợp với các đoàn thể, CMHS và nhà trường huy động các nguồn lực.

Năm học	Hạng mục công trình
2019-2020	Xây 01 phòng bảo vệ, làm vườn trường khu 1
2020-2021	Quét vôi phòng học, xây nhà xe khu 1
2021-2022	Cải tạo lại 01 công trình vệ sinh của GV khu 1, quét vôi trong lớp học
2022-2023	Sửa nền nhà, làm mái tôn nhà vệ sinh HS khu 9, khu 1, làm đường đi quanh vườn thực nghiệm khu 9
2023-2024	Xây dựng khu hiệu bộ 2 tầng với diện tích 350m ² , lát gạch Block trước nhà C với diện tích 650m ²

[H4-4.2-01]; [H4-4.2-02]

b) Hằng năm, nhà trường đã phối hợp cùng với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các ban ngành ở địa phương tổ chức cho HS vui Tết Trung thu. Phối hợp với Ban công an xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trường học, an ninh trật tự trong các dịp Tết, tuyên truyền, kí cam kết chấp hành luật An toàn giao thông, các tệ nạn xã hội, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng chống đuối nước, tổ chức các hoạt động trải nghiệm tại địa phương. Kết thúc năm học, nhà trường cùng với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã tổ chức cho các em sinh hoạt hè tại nơi cư trú vui tươi, an toàn, lành mạnh. Phối hợp với Trạm Y tế trong công tác chăm sóc sức khỏe cho HS và bảo vệ môi trường; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm. Tổ chức các buổi nói chuyện để tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường, tư vấn tâm lý cho HS. Chỉ đạo chi đoàn giáo viên tổ chức cho HS chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, tìm hiểu các phong tục, văn hóa địa phương, tuyên truyền ủng hộ các bạn có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em tàn tật, ủng hộ quần áo cho các em HS tỉnh Lai Châu...
[H4-4.2-02]

Mức 3

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu đề Đảng bộ, Chính quyền địa phương cho lo cho giáo dục nói chung, giáo dục tiểu học nói riêng. Đảng bộ thị trấn Rạng Đông đã ban hành Kế hoạch số 02/KH ĐU ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-ĐU ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Đảng ủy thị trấn Rạng Đông về nâng cao chất lượng giáo dục địa phương giai đoạn 2021-2025. Tham mưu với Cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức, cá nhân về bổ sung cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học, xây dựng đội ngũ, tổ chức các hoạt động GD, nâng cao chất lượng GD toàn

diện của HS giúp HS tự tin, năng động, sáng tạo có kiến thức, kỹ năng. Từng bước xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, GD, một địa chỉ uy tín, và tin cậy. [H4-4.2-02]

2. Điểm mạnh

Phòng GD&ĐT, cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương luôn quan tâm, ủng hộ và chỉ đạo sát sao phong trào nhà trường. Đảng bộ thị trấn Rạng Đông xây dựng Nghị quyết chuyên đề số 07/NQ-ĐU về nâng cao CLGD địa phương giai đoạn 2015-2020 và ban hành Kế hoạch số 02/KH ĐU ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-ĐU ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Đảng uỷ thị trấn Rạng Đông về nâng cao chất lượng giáo dục địa phương giai đoạn 2021-2025.

Các tổ chức đoàn thể địa phương, CMHS luôn quan tâm đến phong trào GD của nhà trường với nhiều hình thức phong phú, vui tươi, lành mạnh, tạo hứng thú cho HS khi tham gia.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu để chính quyền địa phương huy động được các nguồn lực tài trợ các công trình thiết yếu phục vụ cho hoạt động GD.

Mọi hoạt động trong nhà trường luôn có sự phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể và các cá nhân nên các phong trào phát triển tốt, đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên việc bổ sung cơ sở vật chất từ ngân sách địa phương cho nhà trường còn ở mức độ đáp ứng yêu cầu tối thiểu.

Địa phương chưa có nhiều các mạnh thường quân nên việc kêu gọi ủng hộ cơ sở vật chất cho nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Ghi chú
Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 02/KH ĐU ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-ĐU ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Đảng uỷ thị trấn Rạng Đông về nâng cao chất lượng giáo dục địa phương giai đoạn 2021-2025	Chi uỷ, BGH, Đảng viên		Các năm học	

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/ thời gian hoàn thành	Ghi chú
Đẩy mạnh việc tuyên truyền để nâng cao nhận thức về trách nhiệm của cộng đồng đối với sự nghiệp giáo dục.	BGH, CB-GV-NV, CMHS		Các năm học	
Tiếp tục huy động sự ủng hộ của các nhà hảo tâm, các tổ chức XH.	BGH, CBGVNV, CMHS		Các năm học	
Tham mưu với đảng ủy, UBND tiếp tục xây dựng tầng 3 khu hiệu bộ và nhà đa năng.	BGH		Các năm học tiếp theo	Khoảng 12.5 tỷ đồng

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 4

* Điểm mạnh

Đảng bộ thị trấn Rạng Đông đã xây dựng Nghị quyết chuyên đề số 07/NQ-ĐU về nâng cao CLGD địa phương giai đoạn 2015-2020 và ban hành Kế hoạch số 02/KH ĐU ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 07/NQ-ĐU ngày 02 tháng 10 năm 2015 về nâng cao CLGD địa phương giai đoạn 2021-2025 là tiền đề để nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục.

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, đã tạo được mối quan hệ tốt với CMHS học sinh và xã hội; thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ngoài nhà trường, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác GD toàn diện cho HS.

Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học.

Thường xuyên tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp và cách đánh giá HS, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia cùng thực hiện mục tiêu và kế hoạch GD.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền, phối hợp với các lực lượng xã hội, nhân dân địa phương để nâng cao chất lượng.

GD toàn diện cho HS, tăng cường CSVC cho nhà trường do đó CSVC trường học ngày càng khang trang, sạch đẹp, chất lượng GD không ngừng được nâng cao.

* Điểm yếu

Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên việc bổ sung cơ sở vật chất từ ngân sách địa phương cho nhà trường còn ở mức độ.

Địa phương chưa có nhiều các mạnh thường quân nên việc kêu gọi ủng hộ cơ sở vật chất cho nhà trường còn ở mức độ.

* Tự đánh giá

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chuẩn 5. Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Tổ chức các hoạt động giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm, kết quả giáo dục phản ánh mục tiêu quan trọng của nhà trường. Kế hoạch giáo dục nhà trường được xây dựng dựa trên những quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, cập nhật đầy đủ các quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý giáo dục, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường đã báo cáo Phòng GD&ĐT huyện Nghĩa Hưng và được phổ biến công khai đến GV-NV, HS, CMHS và cộng đồng. Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các kế hoạch đã xây dựng. Hàng năm đều rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp thực hiện kế hoạch nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học. Công tác phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo, giúp đỡ HS có khó khăn được quan tâm đúng mức. Nhà trường đã xây dựng và tổ chức nhiều hoạt động giáo dục với nội dung, hình thức phong phú, phù hợp với điều kiện thực tế và tâm lý của HS, được các em tham gia tích cực, chủ động. Cùng với các trường trong thị trấn, nhà trường đã làm tốt

công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Trong 5 năm qua, kết quả giáo dục của nhà trường luôn dẫn đầu các trường trong huyện, ổn định và bền vững.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

b) *Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*

c) *Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận*

Mức 2:

a) *Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

b) *Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Đảm bảo theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục. Nhà trường đã xây dựng:

a) Kế hoạch giáo dục nhà trường và Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học được xây dựng đảm bảo theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục: Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/06/2021 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học, Công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/09/2021 của Bộ GD&ĐT về việc thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018, Công văn số 1003/SGDĐT-GDTH ngày 07/07/2021 của Sở GD&ĐT Nam Định về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; Kế hoạch số 771/KH-PGDĐT ngày 12/09/2023 của Phòng GD&ĐT Nghĩa Hưng về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024. Tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch tổ, GV xây dựng kế hoạch môn học được phân công phụ trách. [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]

b) Mỗi năm học, nhà trường xây dựng thời khoá biểu cho các khối lớp, dạy đủ các môn học, đúng với kế hoạch môn học. Đảm bảo nội dung dạy học theo yêu cầu kiến thức, kỹ năng của chương trình môn học, chương trình giáo dục tổng thể; kết hợp giáo dục kỹ năng sống, câu lạc bộ và tổ chức hoạt động ngoài giờ chính khoá cho HS, học tại Thư viện 1 tiết/2 tuần. Tổ chức dạy Tiếng Anh tự chọn cho HS lớp 1, 2 (1 tiết/tuần); Tiếng Anh và Tin học cho HS từ khối 3 đến khối 5. Thực hiện dạy 9 buổi/tuần đối với tất cả HS các khối lớp. Hàng

tuần, BGH kiểm tra giám sát thực hiện chương trình theo thời khoá biểu của GV thông qua duyệt kế hoạch giảng dạy, thăm lớp và dự giờ. Lớp 1,2,3,4 thực hiện chương trình GDPT 2018, lớp 5 dạy theo mô hình Trường học mới. Đảm bảo mục tiêu GD toàn diện cho HS. [H5-5.1-02]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-04]

c) Các kế hoạch được tập thể CB-GV-NV đóng góp ý kiến xây dựng, được nhà trường giải trình với lãnh đạo địa phương, với Phòng GD&ĐT, với CMHS và đã được lãnh đạo Phòng GD&ĐT phê duyệt sau hội nghị Nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động hằng năm. [H5-5.1-04]

Mức 2

a) Việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường mỗi năm học ngoài việc tuân thủ nghiêm túc chỉ đạo chuyên môn của cơ quan quản lý GD cấp trên từ đầu năm học mà mỗi khi nhận được các văn bản mới chỉ đạo của cấp trên như quy định về đánh giá HS, các cuộc thi, các cuộc giao lưu, các phong trào,... nhà trường đã kịp thời triển khai tới toàn thể CB-GV-NV và bổ sung vào các kế hoạch. [H5-5.1-01]

b) Các kế hoạch của nhà trường xây dựng cụ thể, chi tiết, có sự tham gia đóng góp ý kiến của CB-GV-NV và các lực lượng GD khác. Sau khi được phê duyệt của Phòng GD&ĐT Nghĩa Hưng, kế hoạch của nhà trường được triển khai tới các thành viên trong nhà trường và CMHS để cùng phối hợp, giám sát thực hiện.

Cụ thể: nhà trường đã công khai các dự thảo kế hoạch cũng như kế hoạch của nhà trường trong năm học tại các hội nghị CMHS, trên website của nhà trường, trong các nhóm zalo và nhận lại sự đóng góp tích cực của CMHS trên hòm thư góp ý để điều chỉnh và thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đề ra. [H5-5.1-04]

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng theo đúng quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, mang nét đặc trưng của nhà trường, đã được giải trình và được cấp trên phê duyệt, được công khai đến các thành viên trong trường và cộng đồng. Nhà trường luôn cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý GD.

3. Điểm yếu

Sự phối hợp giữa nhà trường với cộng đồng trong việc thực hiện mục tiêu GD đôi khi còn gặp khó khăn, hạn chế như:

- Kinh tế địa phương còn khó khăn, đời sống nhân dân không đồng đều nên việc huy động đầu tư cho cơ sở vật chất nhà trường còn hạn chế.

- Một bộ phận không nhỏ CMHS đi làm ăn xa để con cho ông bà nuôi nên sự quan tâm, sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường gặp nhiều khó khăn.

- Nhận thức của một số CMHS còn hạn chế nên việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 gặp một số khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy điểm mạnh về việc xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng quản trị nhà trường và cập nhật bổ sung thường xuyên văn bản chỉ đạo của cấp trên trong quá trình tổ chức thực hiện.	CB-GV-NV	Hiệu trưởng làm tốt công tác công khai thông tin	Thường xuyên trong năm học	
Phổ biến rộng rãi và tuyên truyền kế hoạch giáo dục tới các thành viên trong trường và cộng đồng nhằm tranh thủ sự ủng hộ của đội ngũ và các lực lượng xã hội	CB-GV-NV	Hiệu trưởng làm tốt công tác công khai thông tin	Hội nghị CM, hội nghị CMHS, kì họp HĐND thị trấn, hội nghị tổng kết nâng cao CLGD của thị trấn	2 triệu đồng
Xây dựng kế hoạch và thông qua chương trình phối hợp giữa nhà trường với các ban, ngành, đoàn thể của địa phương trong việc tổ chức một số hoạt động giáo dục của trường. Báo cáo kịp thời Đảng ủy, UBND thị trấn về kế hoạch chỉ đạo, kết quả các mặt hoạt động.	BGH, TPT Đội,	Tham mưu tổ chức hội nghị có sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể	Hội nghị nâng cao CLGD hàng năm, Hội nghị Đảng ủy mở rộng.	
<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường với CMHS trong công tác giáo dục. - Rà soát, cập nhật đầy đủ chính xác danh sách HS không được ở cùng bố mẹ. Thiết lập nhóm zalo trao 	BGH, GVCN, TPT Đội,	GVCN lớp phối hợp với GVCN lớp được bàn giao, nắm vững điều kiện thực tế từng gia đình	Từ khi nhận bàn giao đến khi chính thức tựu trường	

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
đổi thông tin thường xuyên với CMHS đi làm ăn xa.		HS		

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-----	
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3 (nếu có):

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Năm học 2023-2024, nhà trường tổ chức hoạt động dạy học theo quy định của Bộ GD&ĐT. Các lớp 1, 2, 3, 4 thực hiện theo Chương trình GDPT 2018, lớp 5 thực hiện theo chương trình 2006 gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc và tự chọn như sau:

Các lớp 1, 2, 3 gồm các môn học: Tiếng Việt; Toán; Đạo đức; Tự nhiên và Xã hội; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Giáo dục thể chất; Tiếng Anh; Tin học và Công nghệ (Tin học), Tin học và Công nghệ (Công nghệ) (lớp 3); Hoạt động trải nghiệm.

Lớp 4 gồm các môn học: Tiếng Việt; Toán; Đạo đức; Khoa học; Lịch sử và Địa lí; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Giáo dục thể chất; Tiếng Anh; Tin học và Công nghệ (Tin học), Tin học và Công nghệ (Công nghệ); Hoạt động trải nghiệm.

Lớp 5 gồm các môn học: Toán; Tiếng Việt; Khoa học; Lịch sử và Địa lí; Đạo đức; Kỹ thuật; Âm nhạc; Mĩ thuật; Thể dục; Tin học; Tiếng Anh.

100% HS được học 9 buổi/tuần. Thời lượng các môn học được thực hiện theo quy định Chương trình phổ thông cấp tiểu học. Ngoài các môn học, mỗi tuần nhà trường tổ chức cho học sinh 6 tiết học kĩ năng sống; HS lớp 1, 2 học 1 tiết Tiếng Anh tự chọn. Nội dung dạy học STEM, Giáo dục địa phương, Giáo dục ATGT, Giáo dục quốc phòng - An ninh, giáo dục Quyền con người... được lồng ghép tích hợp bổ sung vào các chủ đề, bài học có nội dung phù hợp trong các môn học và hoạt động giáo dục. Nhà trường còn tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoại khóa như làm vệ sinh môi trường, tham quan trải nghiệm, các hoạt động tập thể theo chủ đề, chủ điểm,... và các nội dung được bố trí sắp xếp hợp lí không gây quá tải đảm bảo các quy định chuyên môn.

[H5-5.2-01]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]

b) Thực hiện đúng, đủ Chương trình GDPT 2018 với lớp 1, 2, 3, 4; chương trình hiện hành 2006 đối với lớp 5, lựa chọn nội dung, bố trí thời lượng, sử dụng phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng khả năng nhận thức của HS quan tâm bồi dưỡng, phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. [H5-5.1-02]; [H5-5.2-05]

c) Nhà trường thực hiện việc đánh giá học sinh theo đúng văn bản 03/VBHN-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2016 hợp nhất Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 và Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 về đánh giá học sinh tiểu học của Bộ GD&ĐT đối với lớp 5, Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD&ĐT đối với học sinh lớp 1, 2, 3, 4.

Trong quá trình đánh giá, GV đã nhận xét cụ thể từng HS về khả năng nhận thức theo từng mạch kiến thức và nêu những biện pháp cần thực hiện trong thời gian tiếp theo, tất cả các nội dung đánh giá đều vì sự tiến bộ của HS, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS; coi trọng việc động viên khuyến khích sự cố gắng, giúp HS phát huy nhiều nhất khả năng, đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan. Ngoài ra GV đã động viên, khích lệ, ghi nhận, trân trọng sự cố gắng của HS bằng nhiều hình thức trong đó có gửi Thư khen vào các

dịp sơ kết, tổng kết hoặc trong quá trình học tập rèn luyện. [H5-5.2-07]; [H5-5.5-01]

Mức 2

a) Trên cơ sở kế hoạch giáo dục đã xây dựng, nội dung dạy học đã lựa chọn, nhà trường xây dựng thời khóa biểu cho từng khối lớp, từng GV. Công tác duyệt Kế hoạch bài dạy của GV thực hiện theo lịch (trước 1 tuần vào thứ 6), GV gửi về Office 365 để BGH kí duyệt. Ban giám hiệu thường xuyên dự giờ, thăm lớp, phân tích, đánh giá chất lượng sau mỗi kì khảo sát,... Các biện pháp trên đã giúp Ban giám hiệu nhà trường giám sát hiệu quả việc thực hiện đúng chương trình, kế hoạch dạy học, giáo dục, kiểm tra việc lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức dạy học của GV. 100% GV đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục, không cắt xén, bỏ giờ, bỏ buổi. 100% GV đã lựa chọn nội dung và hình thức dạy học phù hợp và đáp ứng với yêu cầu, khả năng nhận thức của HS. Tổ chức tập huấn về phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực cho đội ngũ GV thông qua Chương trình dạy học tích cực, thông qua qua đội ngũ GV cơ sở GDPT cốt cán. Một số phương pháp và hình thức dạy học tích cực đã được áp dụng như phương pháp “Bàn tay nặn bột”, dạy tập làm văn bằng phương pháp trải nghiệm, dạy học các môn học theo hướng trải nghiệm, các hình thức dạy học ngoài không gian lớp học, dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực, tăng cường thực hành và ứng dụng các kiến thức thực tế. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, phân tích đánh giá cụ thể các chuyên đề dạy học có sử dụng các kĩ thuật dạy học tích cực như kĩ thuật mảnh ghép, phòng tranh, bẻ cá, khăn trải bàn, lẩu băng chuyền... từ đó nhân rộng làm cho các tiết học các tiết học nhẹ nhàng, hấp dẫn, lôi cuốn và tạo hứng thú cho HS. [H5-5.3-01]

b) Ngay từ đầu năm học, nhà trường chỉ đạo GV chủ nhiệm lớp tiến hành theo dõi, khảo sát và phân loại từng đối tượng HS để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS năng khiếu và phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện trong từng tiết học và trong từng mạch kiến thức. Công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ học sinh khó khăn được chú ý bồi dưỡng ngay tại các tiết học hàng ngày. Ngoài ra đã thành lập được các CLB (CLB TĐTT, CLB Tiếng Anh, CLB Em yêu Tiếng Việt, CLB Toán - Khoa học bằng Tiếng Anh, CLB MC, CLB Hoạ Mi, CLB Cành cọ nhí) để thu hút những HS năng khiếu có nhu cầu tham gia hoạt động qua đó phát hiện và tiếp tục bồi dưỡng năng lực cho HS. Năm nào nhà trường cũng có học sinh tham gia và đạt giải trong các kỳ thi, giao lưu cấp huyện trở lên. Cụ thể:

Năm học	Tổng số giải	Số giải huyện		Số giải tỉnh		Số giải Quốc gia
		Kì thi Chữ đẹp, Hùng biện TA, TĐTT, Trạng nguyên TV	Kì thi IOE, Seamo, Hkimo, Soroban	Kì thi Chữ đẹp, Hùng biện TA, TĐTT, Giải Toán bằng tiếng Anh, Trạng nguyên TV	Kì thi IOE, Seamo, Hkimo, Soroban	

2019-2020	78	53	0	0	24	1
2020-2021	185	52	0	1	132	0
2021-2022	164	58	2	0	102	2
2022-2023	72	53	0	6	10	3
2023-2024	77	51	0	26	0	0

Tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành môn học, lớp học dưới 1%. Học sinh khuyết tật được quan tâm thương xuyên, tùy vào khả năng của mỗi học sinh để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp.

Năm học	Số HS chưa hoàn thành chương trình lớp học	
	SL	Tỉ lệ
2019 – 2020	7	0,84
2020 – 2021	5	0,86
2021 – 2022	7	0,09
2022 – 2023	5	0,05
2023 – 2024	7	0,07

[H5-5.5-02]

Mức 3

Sau mỗi kỳ kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ và cuối năm học, nhà trường đã tổ chức phân tích đánh giá chất lượng tìm ra các kiến thức, kỹ năng, năng lực chưa đạt từ đó có biện pháp giúp đỡ GV kèm HS yếu, phối hợp với ban thực hiện nâng cao CLGD các tổ dân phố xuống nhà HS cùng CMHS giáo dục con em nâng cao chất lượng; Sau mỗi học kỳ, mỗi năm học, nhà trường đã tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả, tác động của các biện pháp tổ chức các hoạt động để tìm ra nguyên nhân, biện pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS. Công tác rà soát được tiến hành trong các buổi giao ban tháng, SHCM tổ khối, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học và các phiên họp của Hội đồng trường. [H5-5.2-04]; [H5-5.2-06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT. Nhà trường đã lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp, đáp ứng được khả năng nhận thức và điều kiện thực tế của địa phương. Nội dung dạy học, giáo dục của nhà trường có sự cân đối hài hòa, đảm bảo mục tiêu phát triển toàn diện học sinh.

Nhà trường đã tổ chức cho giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục, đổi mới đánh giá học sinh khá hiệu quả. Tổ chức tốt dạy học phân hóa, dạy học tích hợp, vận dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực, sáng tạo của học sinh, thực hiện đánh giá học sinh đúng quy định.

Chất lượng đại trà luôn dẫn đầu toàn huyện. Công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ, phụ đạo cho học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện luôn được quan tâm. Chất lượng GD ổn định, bền vững, ở mức độ cao.

Khảo sát chất lượng hàng năm do SGD tổ chức cho HS khối 5, khối 2, khối 3 luôn đứng ở vị trí thứ 1-3/24 trường của huyện ở cả 2 bài khảo sát, tỷ lệ trên trung bình luôn đạt 100%, tỷ lệ HS đạt điểm 9,10 từ 35 đến 50%, điểm bình quân luôn đứng đầu toàn huyện.

3. Điểm yếu

Còn 2-3 GV do tuổi cao nên ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Duy trì tốt các biện pháp đã thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra giám sát GV thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục; thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, thực hiện đổi mới về đánh giá học sinh mang tính thực chất tránh làm hình thức, chạy theo phong trào.	BGH, tổ CM		Hàng ngày	
Chỉ đạo giáo viên và các tổ CM tăng cường tự học, tự bồi dưỡng, chia sẻ các chuyên đề về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, các phương pháp hình thức dạy học tích cực, việc ứng dụng CNTT trong dạy học và thực hiện nhiệm vụ;	BGH		Đầu năm học	
Phân công GV hỗ trợ giúp đỡ, GV cao tuổi, hạn chế về ứng dụng CNTT. Đưa ra yêu cầu phù hợp để GV có thể từng bước tiếp cận công nghệ tin học.	GV tin, GV trẻ		Thường xuyên	
Tăng cường công tác dự giờ, thăm lớp để giúp đỡ hỗ trợ GV	BGH, TTCM		Hàng tuần	

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá các biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục để kịp thời điều chỉnh, bổ sung.	BGH		Hàng tháng, hàng kì	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo kế hoạch;*

b) *Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*

c) *Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS. Nội dung, thời lượng của các hoạt động thực hiện theo đúng kế hoạch giáo dục của nhà trường. Nhà trường chỉ đạo các bộ phận, cá nhân phụ trách thực hiện nghiêm túc kế hoạch đã xây dựng. [H5-5.1-01]

b) Nhà trường xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm vào tiết sinh hoạt dưới cờ, các hoạt động chủ điểm như: “Thăm gia đình bạn nghèo” vào dịp Tết nguyên đán hay vận động quyên góp giúp bạn bị bệnh hiểm nghèo như học sinh Nguyễn Thị Thanh Mai lớp 3H bị bệnh đa tạng cấp với số tiền 46.500.000 đồng, Học sinh Trần Xuân Bắc lớp 3B bị suy thận cấp với số tiền 36.850.000 đồng hay học sinh Phạm Quang Diệu bị Ung thư máu với 27.725.000 đồng được gửi tới em. Chủ điểm “Chăm sóc nghĩa trang liệt sỹ” vào các ngày lễ như: Thành lập Đảng, Giải phóng Miền nam thống nhất đất nước, ngày Thương binh Liệt sỹ, ngày Quốc khánh; chủ đề xây dựng trường học An toàn "Trường em An toàn" vào tháng An toàn giao thông, chủ đề "Vui hội trăng rằm" vào tết Trung thu; Chủ đề "Vẽ tranh về chủ đề Thầy cô và Mái trường" vào Ngày nhà giáo Việt Nam; “Triển lãm sách vở”, "Ngày hội sách" vào Ngày sách Việt Nam, "Hội thi cắm hoa chào mừng ngày 8/3 hay 20/10", "Ngày hội Thiếu nhi Vui khỏe, tiến bước lên Đoàn" vào dịp Kỷ niệm thành lập Đoàn và chào mừng 70 chiến thắng Điện Biên Phủ... và nhiều hoạt động tập thể mà các em đã trực tiếp tham gia như trang trí, trưng bày góc học tập, trang trí lớp, làm những sản phẩm Stem từ vật liệu tái chế, tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường,... [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]

c) Các hoạt động nhà trường được giáo viên, học sinh, CMHS và cộng đồng hưởng ứng và tích cực tham gia. [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]

Mức 2

Các hoạt động giáo dục NGLL của nhà trường được xây dựng kế hoạch tổ chức cụ thể, chi tiết, nội dung, hình thức đa dạng, phong phú: văn nghệ, TDTT, trò chơi, đồ vui, các chương trình giao lưu theo chủ đề, chủ điểm,... tạo tối đa cơ hội cho mọi học sinh được tham gia và tham gia nhiều lần trong năm học. Năm học 2023-2024 nhà trường tập trung vào các hoạt động như: văn nghệ, các hoạt động tập thể theo chủ đề, chủ điểm, hoạt động trải nghiệm thăm gia đình bạn nghèo, tìm hiểu di tích lịch sử địa phương, làm các sản phẩm Stem, đồ dùng, bưu thiếp, vẽ tranh tặng mẹ, thầy cô... Nhà trường đã khuyến khích học sinh đưa ra mong muốn, ý tưởng và tự điều hành tổ chức thực hiện ý tưởng của mình, giáo viên là người định hướng, hỗ trợ các em. Chính vì vậy, học sinh rất chủ động và tự tin thể hiện khả năng của mình. [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]

Mức 3

Ngoài những hoạt động chung dành cho tất cả các đối tượng học sinh, nhà trường còn chú trọng tổ chức các hoạt động phù hợp với nhu cầu, sở thích, năng lực của từng đối tượng học sinh như: hoạt động CLB, giao lưu theo chủ đề, trò chơi trong các ngày lễ được chia theo các khối lớp, học Kỹ năng sống...

[H5-5.3-01]; [H5-5.3-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường là đơn vị dẫn đầu huyện Nghĩa Hưng về tổ chức hoạt động giáo dục.

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch hoạt động giáo dục NGLL cho mỗi một năm học. Chủ đề, nội dung và phương thức tổ chức các hoạt động phong phú, đa dạng, phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện.

Các hoạt động được xây dựng kế hoạch cụ thể, rõ ràng và phân hóa theo nhu cầu và năng lực, sở trường của HS và được các em học sinh tích cực tham gia.

3. Điểm yếu

Do điều kiện kinh phí của nhà trường còn khó khăn nên 2 năm học gần đây chưa có điều kiện để tổ chức hoạt động trải nghiệm quy mô lớn như hoạt động trải nghiệm ngoài huyện, ngoài tỉnh cho học sinh,...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (<i>chủ trì/ phối hợp/ giám sát</i>)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Làm tốt công tác xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp ngay từ đầu các năm học. Tăng cường các hoạt động nhằm phát huy năng lực sở trường của mỗi cá nhân học sinh.	BGH - TPT	Phát huy trí tuệ tập thể, học hỏi các đơn vị bạn để xây dựng kế hoạch	Tháng 8 hàng năm	
Chuẩn bị điều kiện về nhân lực, kinh phí nhằm tổ chức hiệu quả các hoạt động đã xây dựng.	BGH, TPT, GV		Thường xuyên	15 triệu/năm
Tham mưu tích cực với CMHS, cộng đồng để tạo sự đồng thuận và phối hợp tổ chức.	HT	Nắm vững mục tiêu đổi mới GD	Các kì họp với CMHS và địa phương	
Kêu gọi doanh nghiệp trên địa bàn, các nhà hảo tâm hỗ trợ tài lực để tổ chức các hoạt động với quy mô lớn.	BGH, GV		Các kì họp với CMHS và địa phương	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----	Đạt	-----	Đạt
c	Đạt	-----	Đạt	-----	Đạt
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) *Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*
- b) *Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*
- c) *Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đã kết hợp với Trường Trung học cơ sở và Trường Mầm non thị trấn để làm tốt công tác phổ cập xóa mù chữ. Tất cả CB, GV, NV nhà trường đều tham gia và được phân công phụ trách theo địa bàn TDP. Thông tin điều tra được xử lý trên phần mềm phổ cập nên số liệu đảm bảo chính xác và khoa học. Thông qua công tác điều tra, nhà trường cùng với các trường trong thị trấn đã xây dựng và thực hiện các biện pháp để duy trì sĩ số, huy động trẻ trong độ tuổi ra lớp. Thị trấn được Ban chỉ đạo phổ cập huyện công nhận đạt phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 2, nhà trường được công nhận Phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3 theo Quyết định số 6352/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng ngày 26 tháng 11 năm 2020; Quyết định số 4981/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng ngày 24 tháng 12 năm 2021; Quyết định số 150/QĐ- UBND của Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng ngày 13 tháng 01 năm 2023; Quyết định số 396/QĐ- UBND của Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng ngày 30 tháng 01 năm 2024. [H5-5.4-01]

b) Nhà trường tổ chức và thực hiện tốt Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của nhà trường hàng năm luôn đạt 100%.

[H5-5.4-02]

c) Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ quản lý công tác phổ cập như sổ điều tra phổ cập, sổ đăng bộ, sổ theo dõi HS chuyển đi, chuyển đến, các biểu bảng thống kê. Tất cả hồ sơ được nhà trường cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, được lưu trữ và bảo quản tốt. Đặc biệt, công tác phổ cập của nhà trường và địa phương được quản lý bằng phần mềm nên rất khoa học và hiệu quả. [H5-5.4-01]; [H5-5.4-03]

Mức 2

Hàng năm, vào đầu mỗi năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi trên địa bàn thị trấn vào lớp 1 đạt tỉ lệ 100%. [H5-5.4-02]

Mức 3

Hàng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1. Nhà trường đã gửi thư ngỏ tới CMHS vào tháng 1 hàng năm để CMHS nắm được chủ trương của nhà trường. Theo đó, CMHS chủ động tìm hiểu và đăng kí cho con em ra lớp đúng độ tuổi. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi trên địa bàn thị trấn vào lớp 1 đạt tỉ lệ 100%. [H5-5.4-02]

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường đã cùng với các trường trong thị trấn chủ động làm tốt công tác điều tra phổ cập, xóa mù chữ tại địa phương. Thị trấn được công nhận đạt mức độ 2 (mức cao nhất) của công tác phổ cập xóa mù chữ, nhà trường được công nhận đạt mức độ 3 (mức cao nhất) của công tác phổ cập GD tiểu học đúng độ tuổi.

Nhà trường có nhiều đổi mới trong công tác truyền thông tới CMHS về công tác tuyển sinh HS lớp 1. Tỷ lệ huy động trẻ vào lớp 1 hàng năm của nhà trường luôn đạt 100%.

Nhà trường có đủ hồ sơ sổ sách của công tác phổ cập giáo dục theo quy định. Hồ sơ được ghi chép cẩn thận, khoa học, lưu trữ tốt. Nhà trường cũng đã ứng dụng CNTT vào quản lý công tác phổ cập hiệu quả.

3. Điểm yếu

Địa bàn thị trấn Rạng Đông phức tạp, có nhiều hộ dân đến nuôi trồng thủy sản. Số HS chuyển đi chuyển đến trong mỗi năm nhiều, gây khó khăn cho việc cập nhật điều tra.

Phần mềm phổ cập đôi lúc còn bị trục trặc, tắc nghẽn. Năm học 2023-2024 không cập nhật số liệu HS lên phần mềm được. Từ đó ảnh hưởng đến công tác thống kê, lưu giữ số liệu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
--	---	------------------------	------------------------------------	------------------

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện <i>(chủ trì/ phối hợp/ giám sát)</i>	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác phổ cập thật cụ thể, chi tiết.	HT	Thống nhất với trường THCS và Mầm non trong thị trấn	Tháng 8 hàng năm	
Nắm chắc số liệu trẻ 0-5 tuổi, cập nhật diễn biến của trẻ để chủ động huy động, tuyển sinh 100% số trẻ trong độ tuổi vào lớp 1	GV phụ trách thôn xóm	Phối hợp chặt chẽ với trường Mầm non	Đầu năm học	
Chú trọng chất lượng đại trà, quan tâm giúp đỡ trẻ khó khăn trong học tập, rèn luyện để giữ vững kết quả phổ cập tiểu học đúng độ tuổi.	BGH, GV		Thường xuyên	
Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tập huấn cho GV phụ trách làm tốt phần mềm phổ cập.	BGH		Tháng 8 hàng năm	3 triệu đồng/năm
Sử dụng phần mềm Excell thay thế công tác lên thống kê số liệu.	HP phụ trách, Văn thư		Trong năm học đến khi có phần mềm thay thế	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục*Mức 1*

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3 (nếu có):

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1**

a) Tập thể CB, GV trong nhà trường luôn chú trọng đến công tác nâng cao chất lượng GD, tích cực đổi mới phương pháp và hình thức dạy học nhằm phát huy tính tích cực của HS, đồng thời tăng cường các biện pháp giúp đỡ HS chưa hoàn thành chương trình môn học đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng, đạt được các yêu cầu cần đạt của chương trình theo quy định của từng khối lớp. Vì vậy chất lượng GD của nhà trường luôn ổn định, bền vững; tỉ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học hằng năm đều đạt từ 99,0% trở lên. [H5-5.5-01]

Tỷ lệ trẻ hoàn thành chương trình lớp học trong 5 năm qua như sau:

Năm học		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
TS HS toàn trường		822	850	898	903	894
Tổng số HS HTCC lớp học	SL	815/822	846/850	891/898	898/903	887/894
	%	99,1	99,53	99,2	99,4	99,21
Lớp 1	SL	146/153	203/206	191/197	171/176	209/213
	%	95,4	98,5	96,9	97,1	98,1
Lớp 2	SL	202/202	142/143	201/202	188/188	164/166
	%	100	99,3	99,5	100	98,7

Năm học		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Lớp 3	SL	164/164	200/200	142/142	202/202	182/182
	%	100	100	100	100	100
Lớp 4	SL	149/149	153/153	203/203	142/142	194/195
	%	100	100	100	100	99,4
Lớp 5	SL	154/154	148/148	154/154	195/195	138/138
	%	100	100	100	100	100

b) Hằng năm, tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học của nhà trường đều đạt tỉ lệ từ 94,19% trở lên. [H5-5.4-01]

Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành và đang học chương trình tiểu học trong 5 năm qua như sau:

Năm học	Tổng số		HTCCTH			Đang học Tiểu học		
	PC	KT	PC		KT	PC		KT
			SL	%	SL	SL	%	SL
2019- 2020	155	2	146	94,19	2	9	5,81	0
2020- 2021	142	0	139	97,89	0	3	2,11	0
2021- 2022	152	1	148	97,37	1	4	2,63	0
2022-2023	186	1	183	98,4	1	3	1,6	0

c) Tỉ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong các năm học của nhà trường như sau:

Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Năm học	Ghi chú
2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
638/647 = 98,31%	606/609 = 99,51%	609/613 = 99,19%	627/630 = 99,5%	627/636 = 98,5%	

[H5-5.4-01]

Mức 2

a) Tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trong các năm học đều đạt từ 99,0% trở lên. [H5-5.5-01]

b) Tỉ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong các năm học đều đạt từ 94,19% đến 98,4%. [H5-5.5-03]

Mức 3

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học hàng năm đạt ít nhất 99,1%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong các năm học đều đạt từ 94,19% đến 98,4% các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học. [H5-5.5-03]

Tỷ lệ trẻ đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong 5 năm qua đều đạt từ 98,31% trở lên. [H5-5.4-03]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chất lượng giáo dục ở mức cao, bền vững. HS các khối lớp tham gia các kỳ Khảo sát do SGD tổ chức trong nhiều năm liên luôn xếp từ thứ 1-3/24 trường. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học và học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 94,19% đến 98,4%. Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt 98,31% trở lên.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi chưa đạt 100%. (Hàng năm đều có học sinh lưu ban)

Năm học	Số HS chưa hoàn thành chương trình lớp học	
	SL	Tỷ lệ
2019 – 2020	7	0,84
2020 – 2021	5	0,86
2021 – 2022	7	0,09
2022 – 2023	5	0,05
2023 – 2024	7	0,07

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tăng cường bồi dưỡng cho giáo viên dạy học theo định hướng phát triển năng lực, cá biệt hóa quá trình dạy học, phát huy tối đa năng lực của học sinh	BGH, GV		Thường xuyên	
Tích cực phụ đạo học sinh chưa hoàn thành chương trình môn học	GV		Thường xuyên	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 5

* Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch giáo dục theo đúng quy định và nghiêm túc thực hiện kế hoạch đã xây dựng. Nội dung dạy học, giáo dục của nhà trường có sự cân đối hài hòa, đảm bảo mục tiêu phát triển toàn diện HS. Chỉ đạo GV lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức, kỹ thuật dạy học tích cực phù hợp, đáp ứng được khả năng nhận thức của HS và điều kiện thực tế của địa phương. Công tác chỉ đạo và tổ chức cho GV thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, GD, đổi mới đánh giá HS hiệu quả.

Việc phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, giúp đỡ, phụ đạo cho HS khó khăn trong học tập và rèn luyện luôn được nhà trường quan tâm, kết quả đạt được tốt. Ngoài các môn học, nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động giáo dục trải nghiệm cuốn hút HS, được HS tham gia tích cực, chủ động.

Nhà trường đã làm tốt công tác điều tra phổ cập, xóa mù chữ tại địa phương. Công tác huy động trẻ vào lớp 1 hàng năm của nhà trường luôn đạt 100%. Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý công tác phổ cập hiệu quả, lưu trữ hồ sơ tốt.

Chất lượng giáo dục của nhà trường ở mức cao, bền vững. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học và học sinh 11 tuổi HTCTTH đạt 99,0% trở lên. Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 98,31% trở lên.

* Điểm yếu

Hiện nay còn 2-3 GV cao tuổi, khó khăn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học.

HS ít được đi tham quan, trải nghiệm ngoài huyện, ngoài tỉnh.

* Tự đánh giá

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3

Tiêu chí 5.1		X	X	---
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt mức 3

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm học 2019-2020 đến năm 2022-2023 chất lượng khảo sát do Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT tổ chức nhà trường luôn đứng từ thứ 1-3/toàn huyện. Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động NGLL nổi bật tạo dấu ấn cho học sinh như "Làm đồ dùng học tập bằng vật liệu tái chế", "Tết yêu thương", "Vui hội trăng rằm", "Làm bưu thiếp chúc mừng mẹ và cô", "Thầy cô và mái trường", "Vẽ tranh chủ đề Gia đình yêu thương", "Ngày Hội an toàn trường học", "Ngày Hội Thiếu nhi vui khỏe"... Xếp loại chung các mặt của nhà trường luôn đứng vị trí thứ 1 trong huyện.

- Năm học 2019-2020 trường đạt danh hiệu "Tập thể Lao động Xuất sắc" theo Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh Nam Định;

- Năm học 2020-2021 trường đạt danh hiệu "Tập thể Lao động Tiên tiến" theo Quyết định số 3672/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND huyện Nghĩa Hưng; Được UBND tỉnh tặng Bằng khen theo Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 06/8/2021 của UBND tỉnh Nam Định;

- Năm học 2021-2022 trường được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua Xuất sắc theo Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh Nam Định;

- Năm học 2022-2023 trường được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua Xuất sắc theo Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh Nam Định;

2. Điểm mạnh

Chất lượng giáo dục của nhà trường luôn đứng từ thứ 1-3/toàn huyện.

Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động giáo dục nổi bật và có ý nghĩa được PGD ghi nhận, được phụ huynh, cộng đồng đánh giá cao, có tác dụng lan tỏa trong các trường tiểu học toàn huyện, huyện bạn.

3. Điểm yếu

Trình độ CNTT của một số GV lớn tuổi còn hạn chế, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác học liệu điện tử vào giảng - dạy còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy hiệu quả các mặt giáo dục	BGH, GV		Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	
Tích cực đổi mới công tác quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường.	BGH		Năm học 2023-2024 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận

Điểm mạnh:

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết và có tính khả thi.
- Các em HS năng khiếu đã được phát hiện và bồi dưỡng, các em học sinh khó khăn được xây dựng mục tiêu riêng và được giúp đỡ.
- Chất lượng của nhà trường vượt trội so với các trường trong huyện.

Điểm yếu:

Chưa có nhà đa năng để học sinh luyện tập, tổ chức các hoạt động NGLL cho HS.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ theo các thông tư, công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt Chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, căn cứ kết quả hoạt động của nhà trường trong những năm qua, trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông tự đánh giá về mức độ đáp ứng các Quy định về tiêu chuẩn. Thông qua các điểm mạnh, điểm yếu, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục trong tình hình mới.

Trên cơ sở nhận định mức độ đạt được, nhà trường kiện toàn lại hệ thống chính trị, điều chỉnh và bổ sung lại những mặt còn thiếu sót. Xây dựng lại lực

lượng nòng cốt để điều hành bộ máy hoạt động theo những tiêu chuẩn giáo dục đã quy định.

Năm học 2023-2024, thực hiện thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018, Hội đồng tự đánh giá trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông đã tiến hành tự đánh giá chất lượng GD của nhà trường, kết quả đạt được cụ thể như sau:

Số lượng các tiêu chí đạt:	27/27	Tỉ lệ: 100%
Số lượng tiêu chí đạt mức 1:	27/27	Tỉ lệ : 100%
Số lượng tiêu chí đạt mức 2:	27/27	Tỉ lệ : 100%
Số lượng tiêu chí đạt mức 3:	18/19	Tỉ lệ : 94,73%

Với kết quả tự đánh giá đạt 27/27 tiêu chí tỷ lệ 100% (trong đó số lượng tiêu chí đạt mức 1: 27/27 đạt tỷ lệ 100%; số lượng tiêu chí đạt mức 2: 27/27 đạt tỷ lệ 100%; số lượng tiêu chí đạt mức 3: 18/19 đạt tỷ lệ 94,73%)

Trường Tiểu học thị trấn Rạng Đông đề nghị công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và công nhận đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1./.

Rạng Đông, ngày 31 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để báo cáo);
- Phòng GD&ĐT(để báo cáo);
- UBND TT (để báo cáo);
- Trang Website nhà trường;
- Lưu: VT, THRD.

Đỗ Hồng Duy